

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019



An Giang, ngày 26 tháng 04 năm 2020



THƯ NGỎ

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN SAO MAI

**Kính thưa: Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác
và toàn thể CBCNV Tập đoàn Sao Mai.**

Lời đầu tiên thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tập đoàn Sao Mai, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến toàn thể Quý vị vì đã tin tưởng, chia sẻ và đồng hành cùng Chúng tôi trong suốt cuộc hành trình.

Kính thưa Quý vị! Sau sự phục hồi ngắn ngủi của nền kinh tế năm 2018, thì cuối năm 2019 đã bắt đầu cho cuộc khủng hoảng lớn toàn diện chưa từng có, kể cả về kinh tế, an sinh xã hội... trên toàn cầu. Sự bùng phát nhanh chóng của dịch bệnh Covid-19 khiến các Quốc gia (kể cả các cường quốc) không kịp trở tay, đã cướp đi sinh mạng của hàng trăm ngàn người và khiến cho nền kinh tế Thế giới gần như tê liệt: sản xuất đình đốn, cung ứng gián đoạn, thương mại và đầu tư giảm, du lịch bị tàn phá, thất nghiệp tăng cao... thiệt hại hàng ngàn tỷ USD.

Trước tình hình đó, HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể CB-CNV trong Tập đoàn đã cùng nhau thực hiện phương án tiết kiệm, cắt giảm chi phí, tiền lương, tối ưu hóa đầu tư ... để góp phần vào sức mạnh chung của con thuyền Tập đoàn vượt qua thời kỳ này an toàn nhất.

Năm 2019 cùng với sự thành công trong một số lĩnh vực, thì việc hoàn thành hai nhà máy điện: Nhà Máy Điện Mặt Trời giai đoạn 1-2 (Tỉnh Biên, An Giang) và Nhà máy điện Europlast (Đức Huệ, Long An) là một bước chuyển mình mạnh mẽ của Tập đoàn. Hơn thế nữa, đây sẽ là lĩnh vực có thể giúp Chúng ta trong lúc này hiệu quả nhất.

Và cũng năm 2019, chúng ta đã có những kế hoạch cho năm 2020 tốt đẹp dựa trên những gì Chúng ta đang có. Xong, với tình hình hiện nay, Chúng ta lại phải chậm lại một bước, thận trọng hơn để vững chắc hơn trong bước đi sắp tới. Một số ngành truyền thống của Tập đoàn như: Bất động sản, Du lịch, Dịch vụ, xuất khẩu cá... đang bị ảnh hưởng nặng nề. Tạm thời Chúng ta sẽ tích lũy, nâng cấp sản phẩm để chuẩn bị cho thời kỳ bùng phát kinh tế sau khủng hoảng. Giai đoạn này Chúng ta sẽ tập trung hoàn thành Nhà máy điện mặt trời giai đoạn 3-4 để có doanh thu ngay trong năm 2020. Do không thể biết trước được khi nào dịch bệnh sẽ kết thúc và kinh tế toàn cầu khi nào sẽ hồi phục, xong Chúng ta cần chuẩn bị chờ cơ hội bứt phá.

Thay lời muốn nói, trân trọng cảm ơn Quý cổ đông, Quý khách hàng cùng toàn thể CB-CNV đã có đóng góp to lớn đối với thành quả của Tập đoàn Sao Mai trong thời gian qua. Hơn bao giờ hết, Tập đoàn Sao Mai rất mong tiếp tục nhận được sự chung tay tiếp sức của các Quý vị để cùng Công ty phát huy sức mạnh đoàn kết nội lực và ngoại lực để tạo đà, sẵn sàng cho bước nhảy vọt khi nền kinh tế hồi phục.

Kính chúc Quý vị cùng gia quyến an khang, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Ths. Lê Thị Nguyệt Thu



Nhà máy Sao Mai Solar PV1 dưới chân Núi Cẩm tại xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang



Nhà máy Sao Mai Solar PV2 tại xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An

MỤC LỤC

THƯ NGỎ	3
A. GIỚI THIỆU VỀ SAO MAI GROUP	7
I. TỔNG QUAN VỀ SAO MAI GROUP	7
II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN	8
1. Thành lập và các lần tăng vốn	8
2. Địa bàn hoạt động:	8
3. Danh hiệu & giải thưởng:	9
III. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	11
1. Mô hình quản trị:	11
2. Cơ cấu tổ chức:	12
3. Các công ty con, công ty liên kết:	13
IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	13
1. Các mục tiêu chủ yếu của Tập đoàn	13
2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn	14
V. CÁC RỦI RO	15
B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	16
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	16
1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm	16
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:	17
II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	18
1. Danh sách Ban điều hành	18
2. Những thay đổi trong ban điều hành:	22
3. Số lượng cán bộ, nhân viên	23
III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM 2019	24
1. Tình hình đầu tư trong năm 2019:	24
2. Các dự án định hướng triển khai trong năm 2020 và các dự án định hướng phát triển trong các năm tiếp theo	25
3. Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết	27
IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẬP ĐOÀN	63
1. Tình hình tài chính	63
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (BCTC hợp nhất)	63
V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	64
1. Cổ phần:	64
2. Cơ cấu cổ đông:	64
3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	64
4. Giao dịch cổ phiếu quỹ	64
VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	65
1. Tiêu thụ năng lượng và nước	65
2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	66
3. Chính sách liên quan đến người lao động	66
4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương	66
C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	69

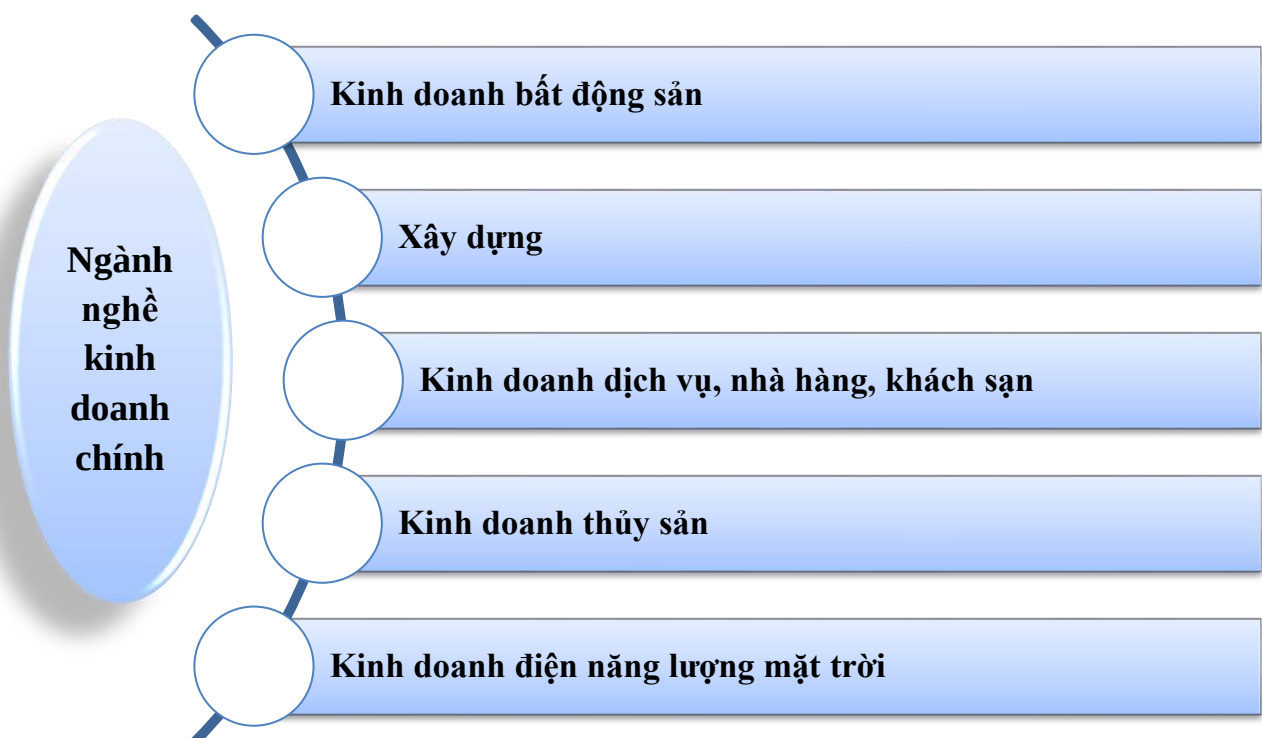


I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	69
1. <i>Tình hình hoạt động kinh doanh:</i>	69
2. <i>Những tiến bộ Công ty đã đạt được:</i>	72
II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	73
1. <i>Tài sản:</i>	73
2. <i>Nợ phải trả:</i>	73
3. <i>Hiệu quả sử dụng vốn:</i>	73
III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	73
IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI.....	74
IV.1. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG THỜI GIAN TỐI CỦA RIÊNG CÔNG TY SAO MAI NHƯ SAU:.....	74
1. <i>Bất động sản:</i>	74
2. <i>Thương mại thủy sản:</i>	74
3. <i>Xây dựng:</i>	74
4. <i>Ngành dịch vụ:</i>	75
5. <i>Y tế:</i>	75
6. <i>Năng lượng mặt trời:</i>	75
IV.2. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT CỦA SAO MAI NĂM 2020.....	76
V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	77
1. <i>Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường</i>	77
2. <i>Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động</i>	77
3. <i>Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương</i>	77
D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN SAO MAI.....	78
I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN	78
1. <i>Hiệu quả sản xuất kinh doanh:</i>	78
2. <i>Tình hình đầu tư</i>	78
II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	79
III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	79
E. QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN	80
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:	80
1. <i>Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:</i>	80
2. <i>Hoạt động của Hội đồng quản trị:</i>	82
II. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ	83
1. <i>Thành viên và cơ cấu Ban kiểm toán nội bộ:</i>	83
2. <i>Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:</i>	84
III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	85
1. <i>Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:</i>	85
2. <i>Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:</i>	85
3. <i>Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:</i>	85
4. <i>Việc thực hiện các quy định về quản trị Tập đoàn Sao Mai:</i>	85
F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	86

A. GIỚI THIỆU VỀ SAO MAI GROUP

I. TỔNG QUAN VỀ SAO MAI GROUP

Tên đầy đủ	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI.	
Tên viết tắt	TẬP ĐOÀN SAO MAI	
Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài	SAO MAI GROUP CORPORATION	
Vốn điều lệ	2.588.678.490.000 đồng	
Địa chỉ	326 Hùng Vương, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	
Điện thoại	0296 3840 138	Fax: 0296 3840 139
Website	www.saomainews.com.vn	
Email	thongtinkhachhang@saomai.com; pr@saomai.com	



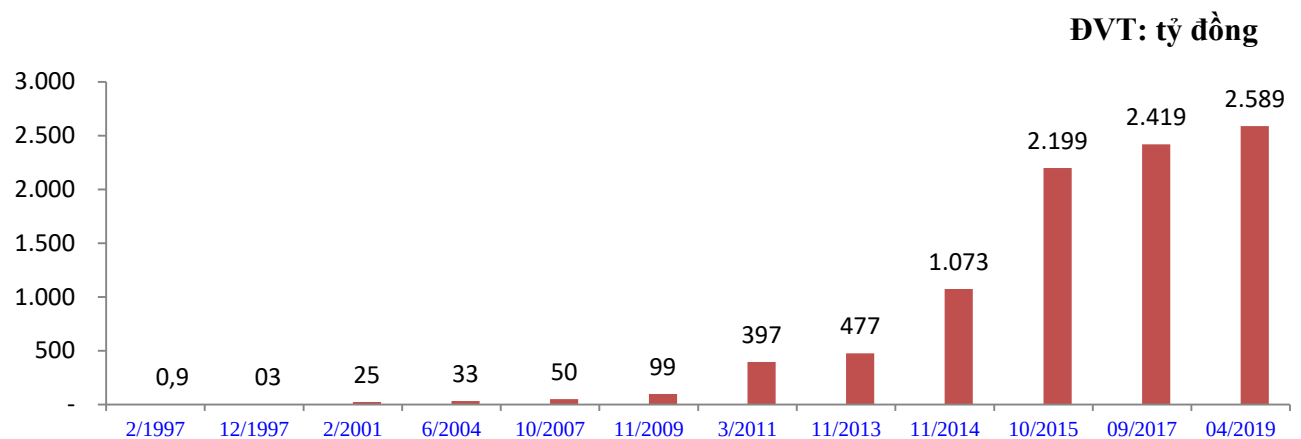
II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

1. Thành lập và các lần tăng vốn

Tiền thân của Tập đoàn Sao Mai (tên gọi khác của công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang) là công ty liên doanh Kiến trúc tỉnh An Giang được thành lập năm 1988, được thành lập theo Quyết định số 000450/GP/TLĐN-03 ngày 05/02/1997 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang, với vốn điều lệ ban đầu là 905.000.000 đồng.

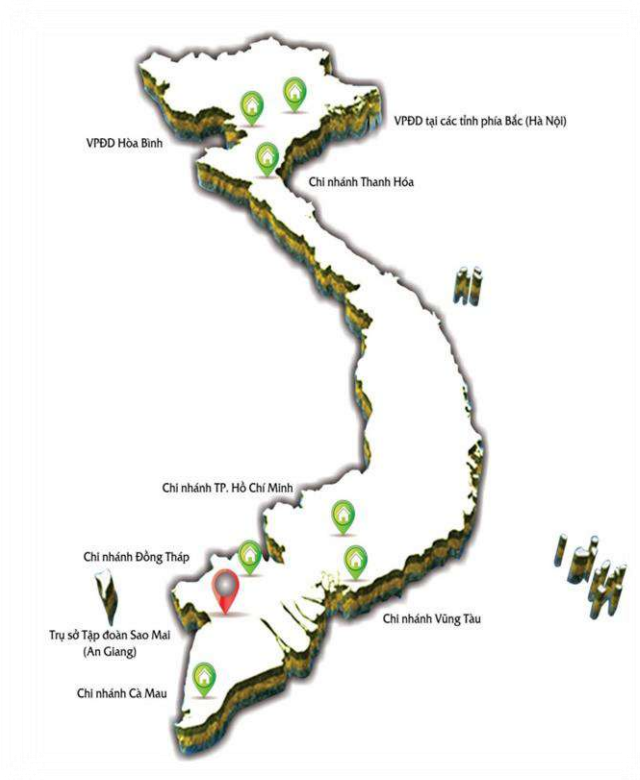
Trong quá trình phát triển, Công ty đã 11 lần tăng vốn điều lệ, từ lúc thành lập 905.000.000 đồng, đến nay đã lên 2.588.678.490.000 đồng.

Biểu đồ tăng trưởng vốn



2. Địa bàn hoạt động:

Địa bàn kinh doanh của Sao Mai mở rộng ở các tỉnh, thành: An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang, Cà Mau, Bến Tre, Tiền Giang, Tp Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Hòa Bình, Thanh Hóa.



3. Danh hiệu & giải thưởng:

Với những tiến bộ và thành quả đạt được trong quá trình phát triển, Tập đoàn Sao Mai ngày càng khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường và hàng năm đều được vinh dự đón nhận nhiều giải thưởng uy tín:

- Huân chương Lao động hạng 3 của Chủ tịch nước về thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác xã hội từ thiện;
- Bằng khen, Cờ thi đua của UBND tỉnh;
- Các danh hiệu: Doanh nghiệp tiêu biểu đồng bằng SCL; Doanh nghiệp tăng trưởng mạnh; Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng;...



Đại diện Tập đoàn Sao Mai (thứ 3 trái qua) nhận Bằng khen về thành tích nộp ngân sách vượt chỉ tiêu



Chủ tịch Công đoàn cơ sở Tập đoàn Sao Mai (thứ 2 phải qua) trước đó cũng được Tổng LĐLĐ Việt Nam tuyên dương Chủ tịch CĐCS xuất sắc vì cuộc sống người lao động



Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai được Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu năm 2019

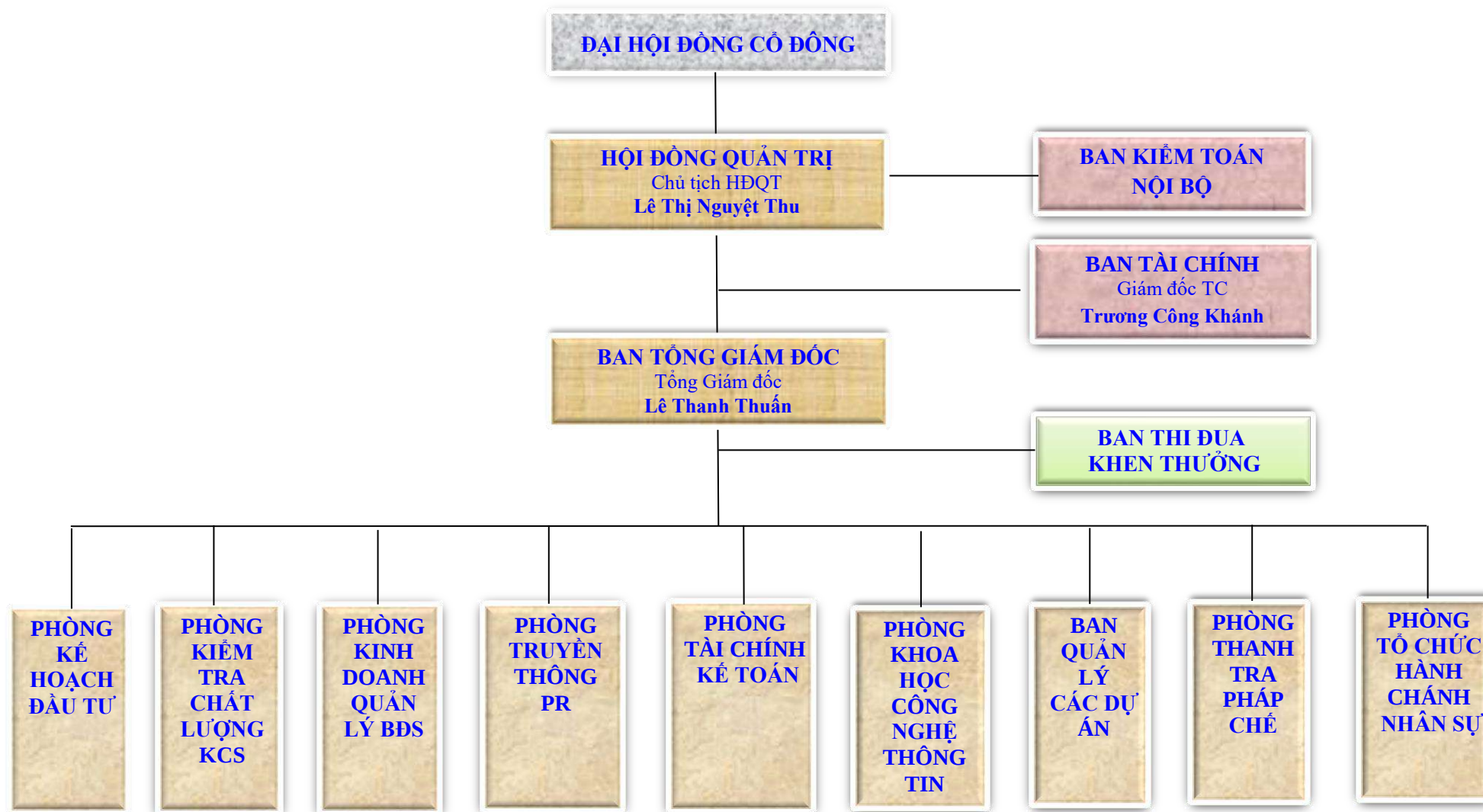


Ngày 02/08/2019 đại diện Tập đoàn Sao Mai (thứ tư bên trái qua) nhận bằng khen “Đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển Kinh tế - Xã hội của Tp. Long Xuyên” và bằng khen “Đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh An Giang”



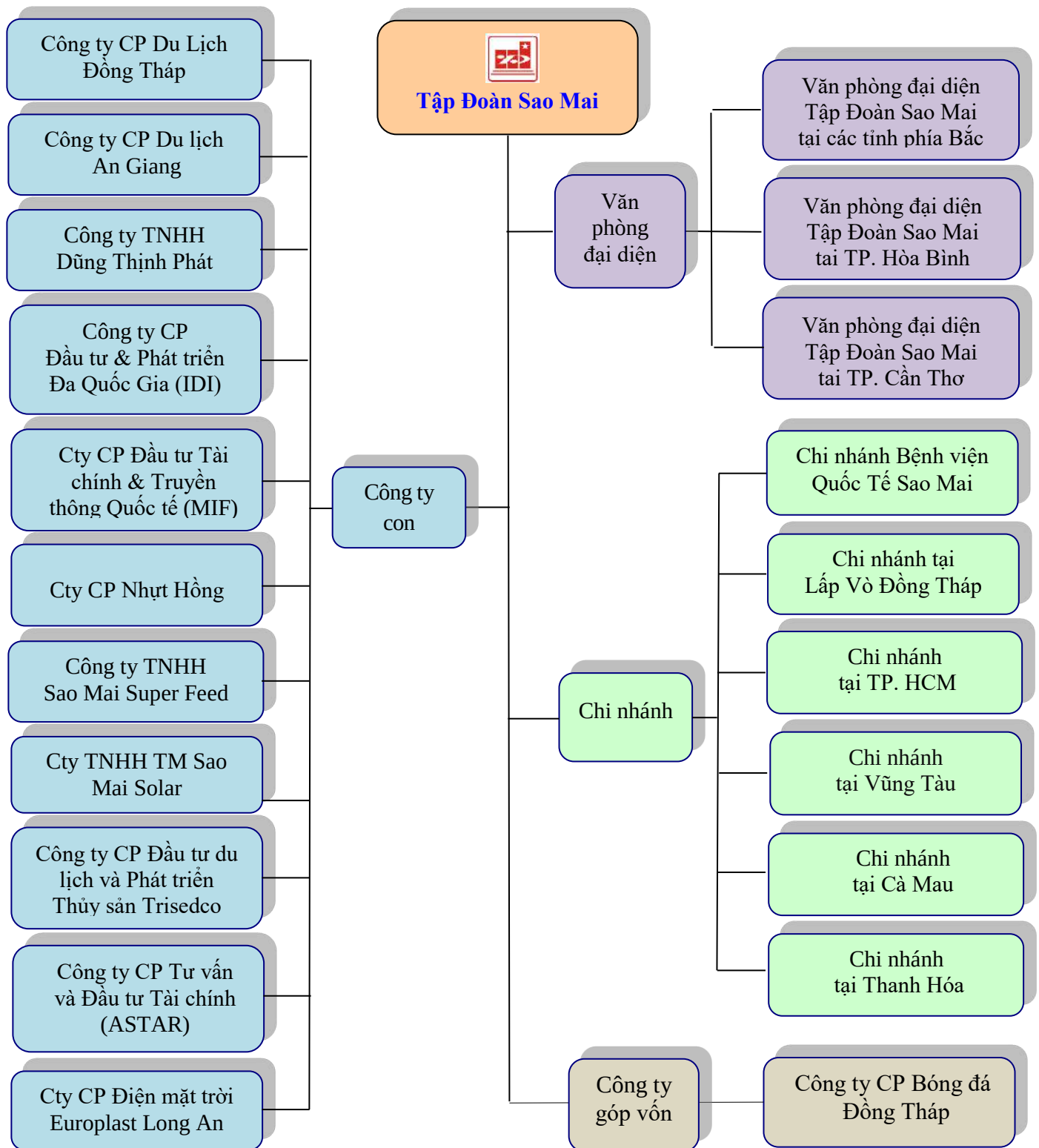
III. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị:



2. Cơ cấu tổ chức

Từ một trụ sở chính tại số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang, đến nay Tập đoàn Sao Mai đã xây dựng được một hệ thống gồm 3 văn phòng đại diện, 6 chi nhánh, 11 công ty con, 1 công ty góp vốn. Sơ đồ tổ chức của Tập đoàn Sao Mai:

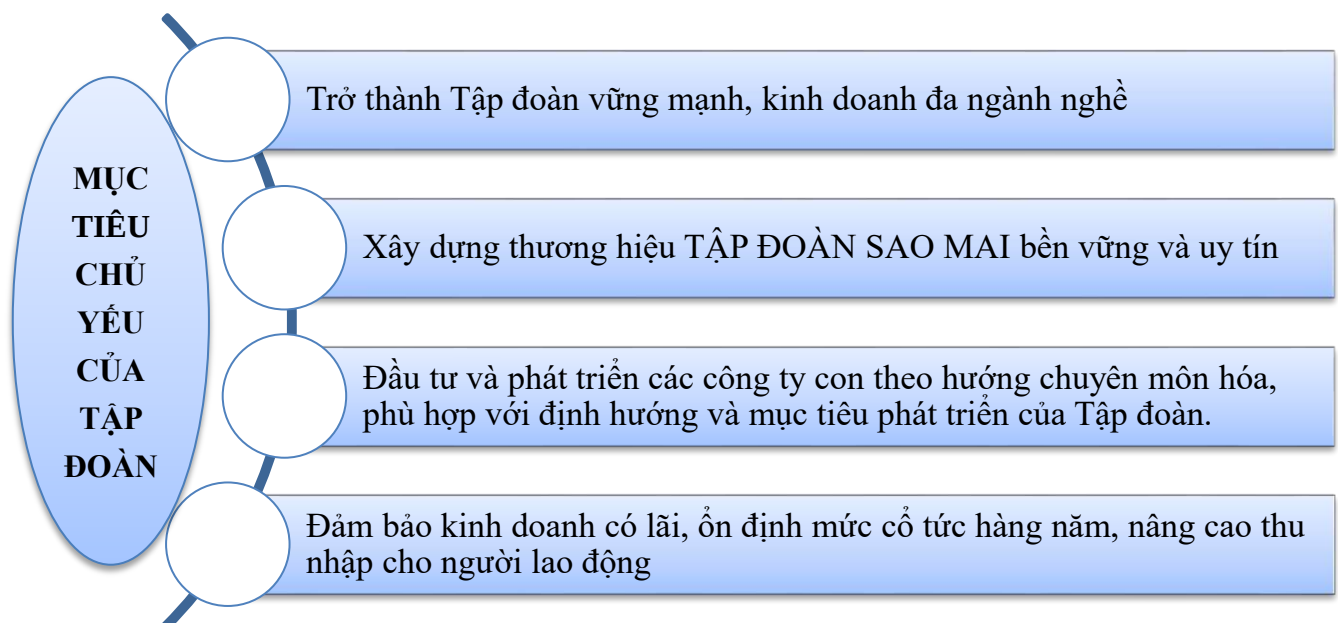


3. Các công ty con, công ty liên kết:

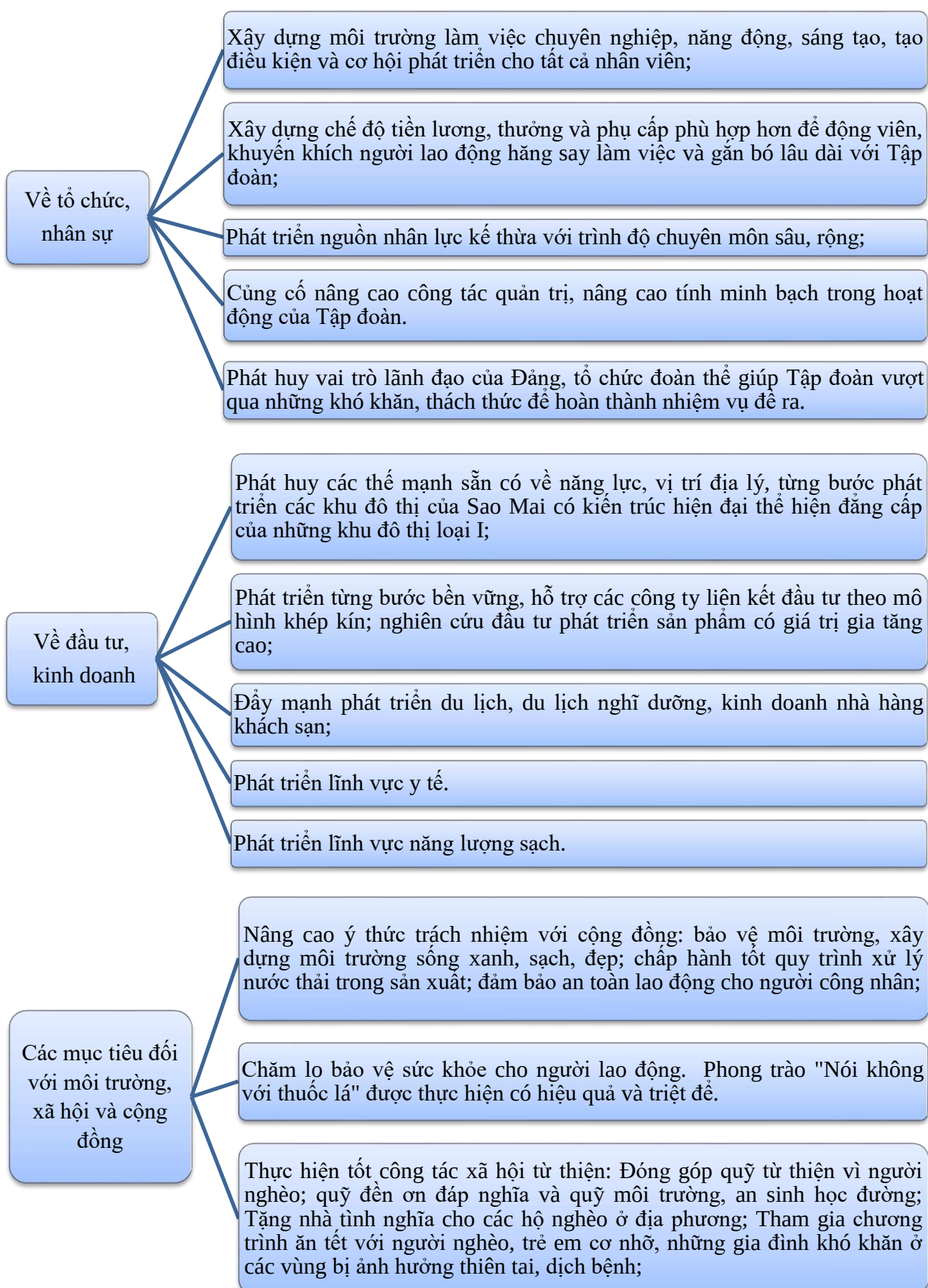
STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
1	Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	66,00%	66,00%	33.000.000.000
2	Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	84,72%	84,72%	57.391.109.800
3	Công ty CP Nhựt Hồng	60,00%	60,00%	167.991.740.000
4	Công ty CP ĐT Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	63,94%	63,94%	11.510.000.000
5	Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	100,00%	100,00%	15.638.450.000
6	Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	100,00%	100,00%	400.000.000.000
7	Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	51,23%	51,23%	997.398.163.912
8	Công ty CP Du Lịch An Giang	72,71%	72,71%	161.209.410.000
9	Cty CP Điện Mặt Trời EUROPLAST Long An	76,67%	76,67%	402.500.000.000
10	Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	43,95%	82,67%	15.000.000.000
11	Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	53,83%	91,95%	8.660.000.000

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

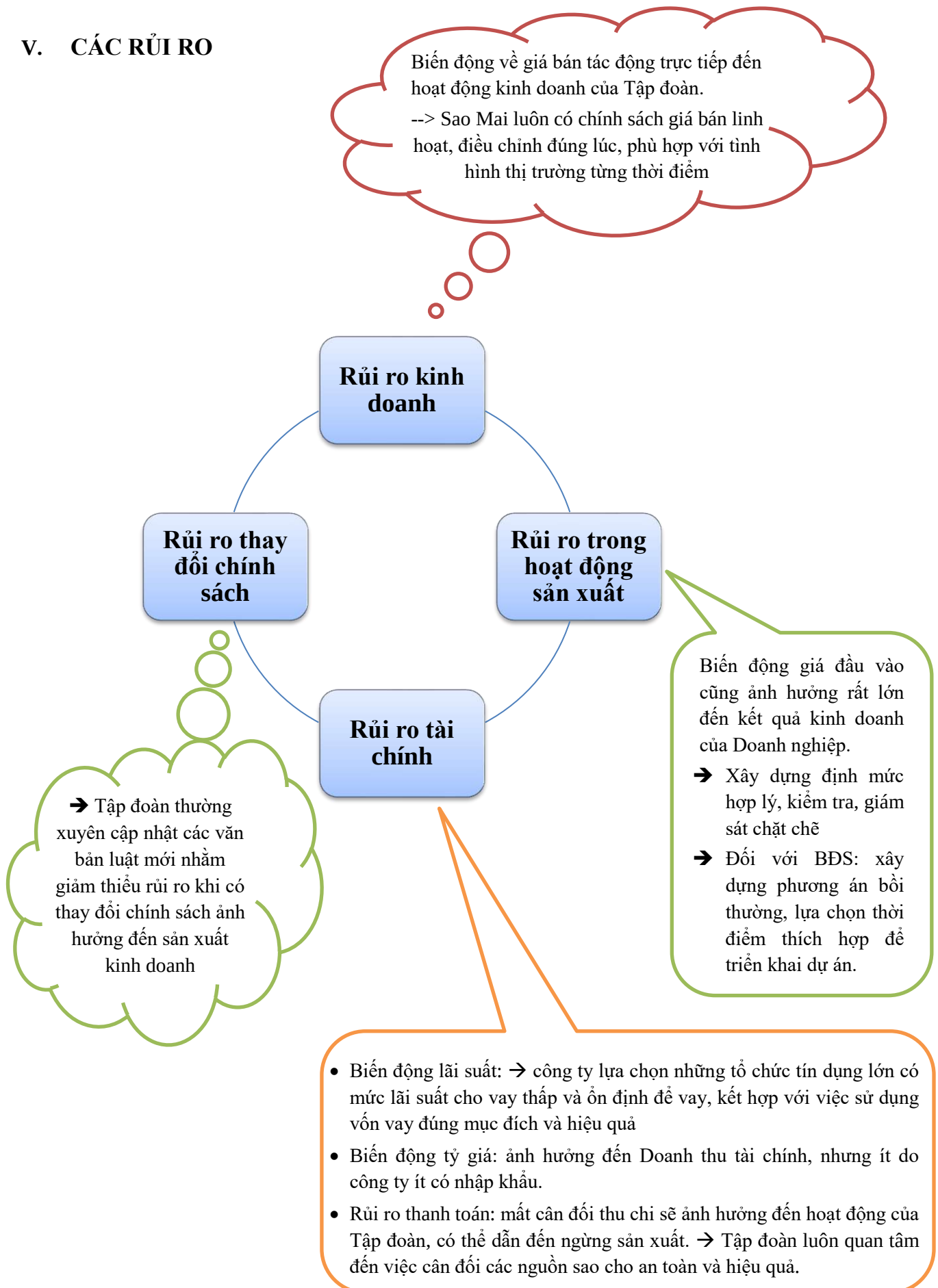
1. Các mục tiêu chủ yếu của Tập đoàn



2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn



V. CÁC RỦI RO



B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm

Hai sự kiện lớn trong năm



10/06/2019

COD Nhà máy
điện mặt trời
50MWh tại Đức
Huệ, Long An



15/06/2019

COD Nhà máy điện
mặt trời 104 MWh tại
xã An Hảo, Tịnh Biên,
An Giang



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019 của công ty mẹ



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019 Hợp nhất từ các công ty con



2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2019	TH2019/TH2018 (%)	TH2019/KH2019 (%)
1. Doanh thu thuần	8.887,13	14.223,77	10.495,08	160%	136%
- Bất động sản	372,08	609,81	540,00	164%	113%
- Thương mại	8.242,68	12.995,43	9.435,08	158%	138%
- Dịch vụ, khách sạn	191,72	253,08	120,00	132%	211%
- Các công trình xây dựng	80,64	138,54	150,00	172%	92%
- Năng lượng	-	226,92	250,00		91%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.197,88	823,35	1.244,00	69%	66%
3. Vốn điều lệ	2.419,34	2.588,68	2.588,68	107%	100%

Nhìn chung, doanh thu của năm 2019 vượt kế hoạch đề ra, doanh thu tăng 60% so với năm 2018 và cao hơn kế hoạch 36%, tuy nhiên từng lĩnh vực kinh doanh có những biến động khác nhau. Lĩnh vực bất động sản, thương mại và dịch vụ có kết quả tốt hơn so với kế hoạch. Riêng về lĩnh vực xây dựng, doanh thu tăng 72% so với năm 2018 và nhưng chỉ đạt 92% so với kế hoạch, nguyên nhân là do một số công trình hoàn thành nhưng chưa nghiệm thu quyết toán nên chưa tính kịp doanh thu trong năm 2019. Một lĩnh vực mới đem lại nguồn doanh thu đáng kể đó là năng lượng mặt trời, doanh thu đạt 226 tỷ đồng, tuy nhiên do ảnh hưởng bởi 2 tháng bão nên doanh thu chỉ đạt 91% so với kế hoạch. Về lợi nhuận hợp nhất, năm 2019 chỉ bằng 69% so với 2018 và bằng 66% so với kế hoạch.

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban điều hành

HỌ TÊN	CHỨC DANH
1. Lê Thanh Thuấn	Tổng Giám đốc
2. Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
3. Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
4. Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
5. Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
6. Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
7. Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
8. Lê Thị Phụng	Phó Tổng Giám đốc
9. Trương Công Khánh	Giám đốc tài chính (miễn nhiệm KTT ngày 02/03/2020)
10. Ngô Thị Tố Ngân	Kế toán trưởng (bỏ nhiệm ngày 02/03/2020)



Thành viên HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai.

Ông Lê Thanh Thuấn sinh năm 1958 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Ông Lê Thanh Thuấn làm cán bộ của Sở quản lý nhà đất An Giang từ năm 1979.

Năm 1986: Ông làm Giám đốc Công ty Liên doanh Kiến trúc An Giang.

Năm 1992: Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu

Năm 1997: Ông thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang (nay là Tập đoàn Sao Mai)

Hiện tại, Ông Thuấn đang giữ chức thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc kiêm Bí thư Đảng bộ của Tập đoàn Sao Mai.

Ngoài ra, Ông cũng đang giữ các vị trí lãnh đạo khác như Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản, Chủ tịch HĐQT công ty CP Dầu Cá Châu Á, Chủ tịch HĐQT công ty TNHH Dũng Thịnh Phát.

Với kinh nghiệm hơn 30 năm công tác trong ngành xây dựng và hơn 20 năm tổ chức và điều hành Tập đoàn Sao Mai, đến nay ông Thuấn là một trong những cổ đông lớn sở hữu 49.986.486 cổ phần, tương đương nắm giữ 19,31% vốn điều lệ của Tập đoàn Sao Mai.

Ông Nguyễn Văn Hưng sinh năm 1954 tại Đồng Tháp.

Ông công tác tại Phòng chính trị Tỉnh đội An Giang từ năm 1975.

Năm 1989 Ông được bổ nhiệm làm Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang;

Năm 1995, Ông được bổ nhiệm làm Thanh tra Sở Thương mại Du lịch tỉnh An Giang.

Năm 1997, Ông góp vốn thành lập và điều hành Tập đoàn Sao Mai.

Đến nay, ông Hưng đang giữ chức Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai.

Ngoài ra, Ông cũng đang là Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản Trisedco, Phó Chủ tịch HĐQT công ty CP Dầu Cá Châu Á.



Phó chủ tịch HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám
đốc Tập đoàn Sao Mai

Hiện nay ông Hưng đang sở hữu 588.500 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,23 % vốn điều lệ.



Ông Lê Văn Chung sinh năm 1964 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Từ năm 1984, Ông công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.

Năm 1987, Ông Chung làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức.

Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang

Ông được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây vào năm 1994.

Sau đó, Ông Chung tham gia thành lập và điều hành Tập đoàn Sao Mai từ năm 1997.

Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Bên cạnh Tập đoàn Sao Mai, ông Chung cũng đang làm Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản, Thành viên HĐQT công ty CP Dầu Cá Châu Á.

Hiện nay, ông Chung nắm giữ 2.034.209 cổ phần, tương đương 0,79% vốn điều lệ của Tập đoàn Sao Mai

Ông Lê Văn Thành sinh năm 1967 ở Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Năm 1987 ông công tác tại Trường sĩ quan Quân Sự - Sĩ Quan Quân đội Nhân dân Việt Nam;

Từ năm 1990 – 1992: Công tác tại Sư Đoàn 363 Hải Phòng;

Đến 1992 Ông công tác tại Xí Nghiệp Tây sông Hậu

Từ năm 1997: ông bắt đầu công tác tại Tập đoàn Sao Mai, đến năm 2003: Ông được bổ nhiệm làm Phó phòng kế hoạch Tập đoàn Sao Mai;

Từ năm 2003 – 2007: Trưởng Phòng kế hoạch Tập đoàn Sao Mai;

Từ năm 2007 – 2010: Trưởng Phòng nhà đất Tập đoàn Sao Mai;

Từ năm 2010–2016: Trưởng phòng Quản lý bất động sản Tập đoàn Sao Mai

Từ 01/01/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tập Đoàn Sao Mai.

Ngoài ra ông còn tham gia giữ chức vụ quản trị tại các công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai như Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Hồng; Thành viên HĐQT Cty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Truyền Thông Quốc tế MIF.



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Hiện tại ông đang nắm giữ 749.113 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,29% vốn điều lệ.

Ông Lê Xuân Quế sinh năm 1968 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Từ năm 1992, Ông công tác tại xí nghiệp Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng sau khi tốt nghiệp Cao đẳng xây dựng.

Năm 1997, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp Phương Nam.

Đến năm 2003, Ông được mời về công tác tại Tập đoàn Sao Mai.

Trong quá trình công tác, Ông Quế cũng tham gia hoạt động thành lập và giữ các chức vụ quản trị các công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai như Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản Trisedco, Thành viên HĐQT công ty CP Dầu Cá Châu Á, Thành viên HĐQT Công ty CP Du lịch An Giang.

Năm 2016, Ông Quế trúng cử Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2016-2021.



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Hiện nay ông Quế đang nắm giữ 716.793 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,28% vốn điều lệ.

	Ông Lê Văn Lâm sinh năm 1973 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Năm 1999 – 2002 Đội trưởng Đội xây dựng số 11 của Sao Mai Năm 2003 - 2006 Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Miền Đông Công ty Sao Mai. Từ năm 2006 - 2009 Phó Giám đốc Ban quản lý dự án Cụm Công nghiệp Vàm Cống - IDI. Từ năm 2010 đến tháng 09/2011 Phó Giám đốc, Giám đốc Nhà máy phụ phẩm Trisedco và Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco. Tháng 10/2011 ông về làm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai.
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai	Từ tháng 7/2018, Ông Lâm đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản. Bên cạnh đó, Ông Lâm còn giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựt Hồng. Hiện Ông Lâm không nắm giữ cổ phần của Tập đoàn Sao Mai.

Ông Trương Vĩnh Thành sinh ngày 07/07/1977 ở Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định. Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng đại học Bách khoa TPHCM khóa 1994 - 1999. Từ năm 1999 – 2001: Phó phòng, trợ lý Giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Tập đoàn Sao Mai. Từ năm 2001 – 2004: Giám đốc Cty Tư vấn Thiết kế Điện hình An Giang, trưởng phòng KCS, TP. Marketing Tập đoàn Sao Mai. Từ năm 2005 – 2007: TP Quản lý Đầu tư Tập đoàn Sao Mai kiêm P.Tổng Giám đốc Cty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia. Năm 2008 – 2011: Tổng Giám đốc Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.	
Từ 2011 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai Hiện nay, Ông Thành còn giữ chức vụ Thành viên HĐQT công ty Trisedco, Chủ tịch HĐQT công ty CP Đầu tư tài chính & truyền thông Quốc tế (MIF), Thành viên HĐQT công ty CP Du lịch An Giang.	Phó Tổng Giám đốc
Hiện nay ông Thành đang nắm giữ 194.205 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,08% vốn điều lệ.	



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Bà Lê Thị Phụng sinh năm 1980 tại Thanh Hóa. Năm 2004, Bà công tác tại phòng kế toán của Tập đoàn Sao Mai sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế chuyên ngành kế toán.

Từ năm 2007 – 10/2015, bà Phụng được bổ nhiệm giữ chức Kế toán Trưởng của Tập đoàn Sao Mai.

Tháng 10/2015 đến nay, bà Phụng được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai phụ trách Tài chính.

Ngoài công việc tại Tập đoàn Sao Mai, bà Phụng còn đảm nhận làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch An Giang, Phó CT. HĐQT Công ty CP Điện mặt trời Europlast Long An.

Hiện nay Bà Phụng đang nắm giữ 218.625 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,08% vốn điều lệ.



Giám đốc Tài chính

Ông Trương Công Khánh sinh năm 1987 tại Đồng Tháp, tốt nghiệp cử nhân kế toán-kiểm toán.

Từ 7/2009 - 11/2010 Ông công tác tại Ban kiểm toán nội bộ Tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành.

Từ 12/2010 - 10/2013, Ông chuyển sang công tác tại Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoán sản Châu Á kiêm kế toán viên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.

Từ 8/2013, Ông được bầu làm Giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.

Tháng 9/2013, Ông Khánh được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

Tháng 01/2017, Ông Khánh được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á.

Tháng 07/2017 – 02/03/2020: Ông làm Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Tài chính Tập đoàn Sao Mai; Giám đốc tài chính Công ty IDI; Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á

Hiện nay Ông Khánh đang nắm giữ 217.745 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,08% vốn điều lệ.

2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Phó Tổng giám đốc: Bà Lê Thị Nguyệt Thu thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc và hiện đang giữ chức Chủ tịch HĐQT tham gia điều hành sản xuất kinh doanh Tập đoàn Sao Mai.
- Kế toán trưởng:
 - + Miễn nhiệm: Ông Trương Công Khánh từ ngày 02/03/2020
 - + Bổ nhiệm: Bà Ngô Thị Tố Ngân làm Kế toán trưởng kể từ ngày 02/03/2020

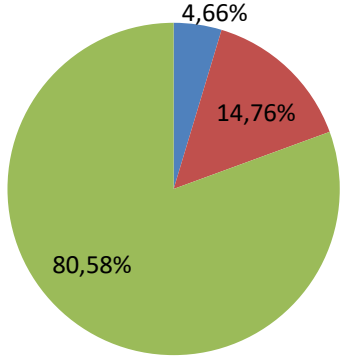
	Bà Ngô Thị Tố Ngân sinh năm 1981 tại Long An, tốt nghiệp cử nhân kế toán. Từ 2008 đến 14/04/2011: Bà Ngân làm cán bộ kế toán tổng hợp Tập đoàn Sao Mai. Từ 15/04/2011 đến 31/12/2012: Bà kiêm nhiệm chức Trợ lý TGD Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI trong lĩnh vực tài chính, kế toán Từ 01/01/2012 Bà đảm nhiệm chức vụ Phó phòng kế toán. Từ 02/08/2012 đến 05/01/2018 Bà kiêm nhiệm Kế toán trưởng Công ty CP Nhựt Hồng. Ngày 02/03/2020 bà được bổ nhiệm Kế toán trưởng Tập đoàn Sao Mai
Kế toán trưởng	

3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số lao động của toàn Tập đoàn Sao Mai tính bình quân trong năm 2019 trên 10.300 người, trong đó nhiều cán bộ ưu tú được đào tạo từ các nước phát triển là lãnh đạo chủ chốt của các công ty thành viên trong Tập đoàn. Cơ cấu lao động như sau:

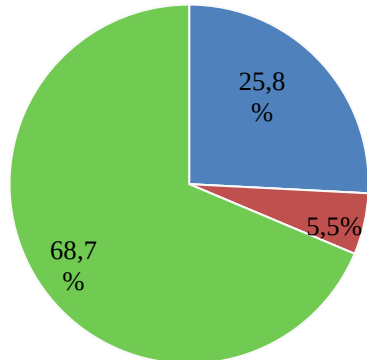
BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO CHỨC DANH

STT	Chức danh	Số lao động	Tỷ lệ (%)
1	Quản lý	480	4,66%
2	CB-CNV	1.520	14,76%
3	Công nhân	8.300	80,58%
	Tổng	10.300	100%



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO THÂM NIÊN CÔNG TÁC

STT	Thâm niên	Số lao động	Tỷ lệ (%)
1	Trên 03 năm	2.659	25,8%
2	Từ 1 đến dưới 3 năm	569	5,5%
3	Dưới 1 năm	7.072	68,7%
	Tổng	10.300	100,0%



III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM 2019

1. Tình hình đầu tư trong năm 2019:

a. Đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời Sao Mai 104MWh xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang:

Chỉ hơn 6 tháng triển khai, dự án Nhà máy điện mặt trời Sao Mai 104MWh xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang giai đoạn 1+2, diện tích gần 125ha, tổng vốn đầu tư hơn 2.000 tỷ đồng đã hoàn thành và đấu nối ngày 15/06/2019. Dự án được bán điện với giá 9,35 cent/Kw trong vòng 20 năm.

b. Đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời Sao Mai 50Mwh huyện Đức Huệ, tỉnh Long An:

Sao Mai đã nhận chuyển nhượng cổ phần đầu tư vào Công ty CP Điện mặt trời EuroPlast Long An với tổng số cổ phần 23 triệu cổ phần, chiếm tỷ lệ 76,67%.

c. Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Sao Mai Super Feed:

Công ty TNHH Sao Mai Super Feed với 100% là vốn góp của Sao Mai. Năm 2019, Sao Mai tiếp tục góp vốn vào Sao Mai Super Feed 300 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động cho Sao Mai Super Feed hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng tổng số vốn góp của Sao Mai là 400 tỷ đồng.

d. Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Du lịch Đồng Tháp:

Trong năm 2019, Sao Mai tiếp tục đầu tư thêm vào Công ty CP Du lịch Đồng Tháp nâng tỷ lệ sở hữu từ 81,30% lên 84,72%.

e. Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH TM Sao Mai Solar:

Công ty TNHH TM Sao Mai Solar với 100% là vốn góp của Sao Mai. Năm 2019, Sao Mai tiếp tục góp vốn vào Sao Mai Solar 9,5 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động cho Sao Mai Solar hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng tổng số vốn góp của Sao Mai là 15,63 tỷ đồng. Sao Mai Solar hoạt động trong lĩnh vực khai thác năng lượng sạch.

f. Các dự án xây dựng trong năm 2019

- Sao Mai thi công Trụ sở làm việc 12 tầng, với giá trị ước tính 100 tỷ đồng. Hiện tại, công trình đang hoàn thiện nội thất.
- Sao Mai thi công Kho lạnh số 3 thuộc Nhà máy chế biến đông lạnh thủy sản với công suất 10.000 tấn thành phẩm, giá trị ước tính 226 tỷ đồng. Giá trị đã hoàn thành trong năm 2019 khoảng 130 tỷ đồng.
- Bên cạnh, trong năm 2019 Tập đoàn cũng thi công một số công trình cải tạo nhà hàng, khách sạn, khu di tích, du lịch của 2 công ty Du lịch An Giang và Du lịch Đồng Tháp như: cải tạo Khách sạn Sông Trà; Khách sạn Bông Hồng; Khách sạn Bến đá Núi Sam, Khu di tích Túc Dụp, Rừng Tràm Trà Sư,...

2. Các dự án định hướng triển khai trong năm 2020 và các dự án định hướng phát triển trong các năm tiếp theo

STT	Dự án	Quy mô (ha)	Vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tình hình triển khai/Tiến độ pháp lý
I	Các dự án định hướng triển khai trong năm 2020			
1	Đường GTGT KDC Nam Trà Ôn ĐĐXD: P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên	4,29	508	- QĐ chủ trương đầu tư số: 1264/QĐ-UBND ngày 05/6/2018; QĐ điều chỉnh chủ trương đầu tư số: 2172/QĐ-UBND ngày 10/9/2019. - QĐ phê duyệt điều chỉnh QH số: 2297/QĐ-UBND ngày 29/12/2014. - Quỹ đất: Công ty đã tự thương lượng được khoảng 2ha/4,29ha Nhà nước đang lên phương án bồi thường phần đất còn lại của dự án. - Do phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch dẫn đến PA bồi thường thay đổi làm kéo dài thời gian thực hiện dự án.
2	Khu đô thị mới Sao Mai Tây thị trấn Cái Dầu ĐĐXD: TT. Cái Dầu, huyện Châu Phú	47,39	500	- QĐ chủ trương đầu tư số: 1771/QĐ-UBND ngày 19/7/2019. - Sở Xây dựng đang thẩm định NVQH chi tiết 1/500. - Quỹ đất: Công ty đã tự thương lượng được khoảng 45ha.
3	Giai đoạn 3 + 4 dự án Nhà máy điện mặt trời ĐĐXD: xã An Hảo, huyện Tịnh Biên	115	1.700	- Đã hoàn tất các thủ tục pháp lý. - Quỹ đất: Công ty đã bồi hoàn được khoảng 70% Nhà nước đang lên phương án bồi thường phần đất còn lại của dự án
4	Khu đô thị mới Sao Mai Bình Khánh 4 ĐĐXD: P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên	38,66	450	- QĐ chủ trương đầu tư số: 1700/QĐ-UBND ngày 11/7/2019. - QĐ phê duyệt QH số: 2706/QĐ-UBND ngày 30/12/2016. Quỹ đất: Công ty đã tự thương lượng được khoảng 6ha. Nhà nước đang lên phương án bồi thường phần đất còn lại của dự án

STT	Dự án	Quy mô (ha)	Vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Tình hình triển khai/Tiến độ pháp lý
II	Các dự án định hướng phát triển trong các năm tiếp theo			
1	Khu đô thị mới Sao Mai Tây Khánh 4 + 5 (P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên)	62	1.150	- QĐ chủ trương đầu tư số: 2087/QĐ-UBND ngày 21/7/2016. - Sở Xây dựng đang thẩm định NVQH chi tiết 1/500.
2	Khu đô thị mới Sao Mai (P.Long Thạnh, TX. Tân Châu)	99,8	1.100	- QĐ chủ trương đầu tư số: 835/QĐ-UBND ngày 29/3/2016. - QĐ phê duyệt NVQH 1/500 số: 1728/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 - Sở Xây dựng đang thẩm định đồ án QH chi tiết 1/500.
3	Khu đô thị mới Sao Mai Cầu Đình 1 (TT. Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên)	85	850	- QĐ chủ trương đầu tư số: 1185/QĐ-UBND ngày 28/4/2016. - QĐ phê duyệt NVQH 1/500 số: 5309/QĐ-UBND ngày 25/9/2019. - Đang hoàn chỉnh hồ sơ QH 1/500.
4	Khu đô thị mới Sao Mai Cầu Đình 2 (TT. Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên)	65	650	- QĐ chủ trương đầu tư số: 1300/QĐ-UBND ngày 11/5/2016. - QĐ phê duyệt NVQH 1/500 số: 5308/QĐ-UBND ngày 25/9/2019. - Đang hoàn chỉnh hồ sơ QH 1/500.
5	Khu đô thị mới Sao Mai Mỹ An (xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang)	87,11	940	- QĐ chủ trương đầu tư số: 855/QĐ-UBND ngày 18/4/2018. - Đang chờ phê duyệt nhiệm vụ QH 1/500 với huyện Chợ Mới.
6	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Trà Sư (xã Văn Giáo, H.Tịnh Biên)	35,93	714	Đã có quyết định chủ trương đầu tư

Ngoài các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư, Tập đoàn còn có hơn 10 dự án đang chờ cấp phép đầu tư như dự án Khu dân cư Sao Mai Bình Long (Châu Phú, An Giang), Khu dân cư Sao Mai Nam Thị trấn Tri Tôn (An Giang), Khu du lịch sinh thái bãi bồi Vĩnh Mỹ (Châu Đốc, An Giang), Sao Mai Golf & Resort (xã An Hảo, Tịnh Biên, An Giang, Khu Resort Quốc tế Sao Mai (Núi Sam, Châu Đốc), Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Trà Sư (xã Văn Giáo, Tịnh Biên, An Giang).....

3. Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết

3.1. Tình hình hoạt động

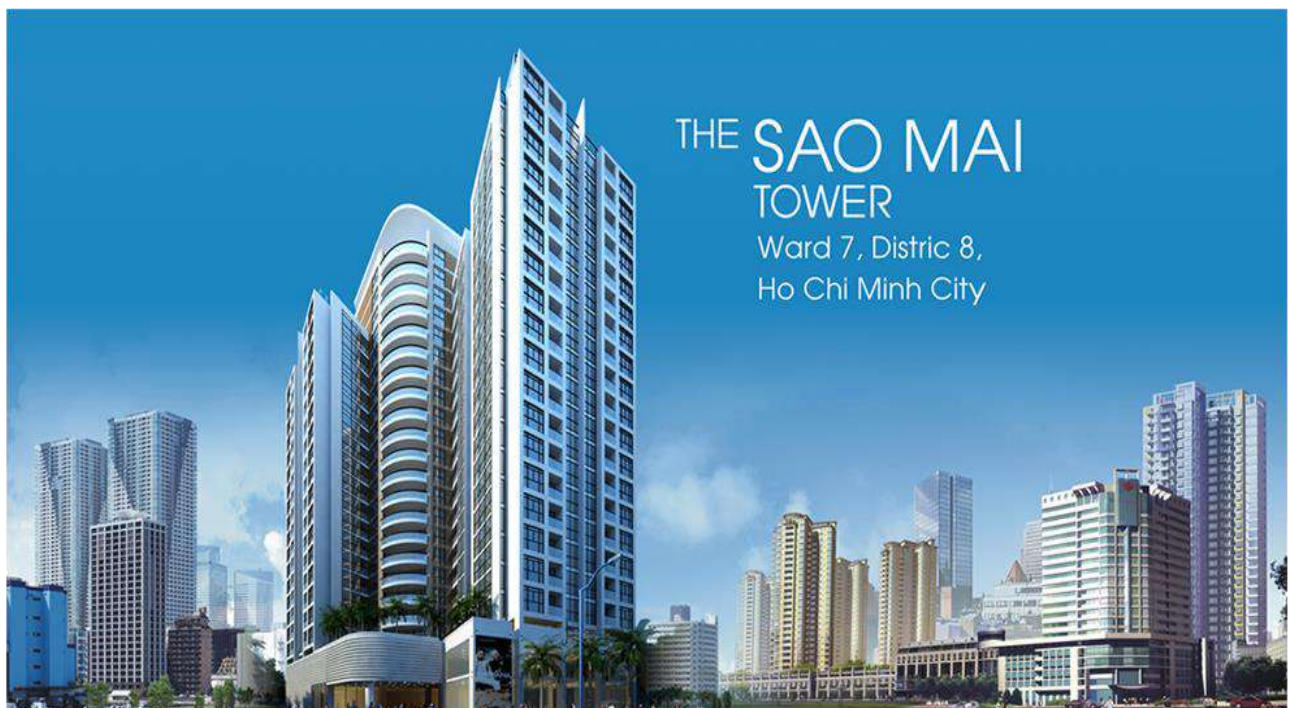
3.1.1 Công ty TNHH Dững Thịnh Phát

- Địa chỉ : Số 09 Nguyễn Kim, phường 12, quận 5, TP. HCM.
- Thành lập ngày : 22/5/2006 theo giấy CNĐKKD số 4102039604. Đăng ký thay đổi lần 5 theo giấy CNĐKKD số 0304407453 ngày 08/04/2015 do Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Phạm Hồng Luân.
- Ngành nghề kinh doanh : Xây dựng công nghiệp dân dụng, công nghiệp.
- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn Sao Mai đã đầu tư vào Dững Thịnh Phát (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
50.000.000.000	33.000.000.000	66,00

✓ Dững Thịnh Phát là doanh nghiệp do Tập đoàn Sao Mai thành lập để làm chủ đầu tư dự án Sao Mai Tower tại phường 16, quận 8, TP. HCM;

✓ Khi công ty nhận được Quyết định thu hồi và giao đất dự án thì thị trường bất động sản đang trong giai đoạn khó khăn nên công ty đã tạm dừng việc đầu tư chờ tín hiệu của thị trường để xem xét có tiếp tục đầu tư nữa không. Vì vậy, đến thời điểm này công ty vẫn chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận.



3.1.2 Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp



- Logo :
- Địa chỉ : Số 02, Đốc Binh Kiều, Phường 2, TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : Giấy chứng nhận đăng ký số 1400355383, cấp lần đầu ngày 07/02/2006. Đăng ký thay đổi lần 23 ngày 24/05/2019 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoàng Ân.
- Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch...
- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ (VND) (*)	Số vốn ASM đã đầu tư vào Du lịch Đồng Tháp (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
53.657.650.000	57.391.109.800	84,72%

(*): Cuối năm 2019 có nhận góp vốn thêm nhưng chưa thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh do đợi đến Đại hội cổ đông xin tăng vốn và sửa đổi điều lệ mới

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp được xem là cánh chim đầu đàn của tỉnh trong lĩnh vực Nhà hàng - khách sạn và các dịch vụ khác như du lịch lữ hành, đại lý vé máy bay,...Hoạt động kinh doanh của Công ty CP Du lịch Đồng Tháp đã đi vào ổn định và phát triển.

✓ Tình hình kinh doanh năm 2019

- Về lĩnh vực lữ hành: Trung tâm Điều hành Du lịch cũng đã có nhiều phấn đấu, nắm bắt thông tin thị trường, tận dụng thời cơ để phát triển kinh doanh và mở ra cơ hội tìm kiếm lợi nhuận. Từ việc thay đổi cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ, giá bán linh hoạt, cộng với chính sách điều hành linh hoạt của Ban Tổng Giám đốc, tuy kết quả kinh doanh chưa hoàn thành kế hoạch đề ra nhưng cũng đã thể hiện quyết tâm rất cao trong việc thực hiện nhiệm vụ năm 2019.
- Hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn:
 - Năm 2019, tiếp tục nâng cấp dịch vụ, cơ sở vật chất Khách sạn Bông Hồng, sửa chữa phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 3 sao, xây dựng nhiều phòng VIP sang trọng phục vụ nhu cầu của khách hàng. Tập đoàn Sao Mai cũng như Công ty CP Du lịch Đồng Tháp mong muốn tạo nên sự khác biệt về một đơn vị hiện đại, đổi mới và trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trong thị trường dịch vụ khách sạn tại thành phố Sa Đéc.

- Đối với Khách sạn Sao Mai - khách sạn đạt chuẩn 3 sao của tỉnh Đồng Tháp không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ cùng với việc nâng cấp cơ sở vật chất, cộng với vị trí địa lý thuận lợi và chính sách giá bán linh hoạt nên hoạt động kinh doanh Khách sạn Sao Mai đạt kết quả tương đối khả quan.
- Khách sạn Sa Đéc tuy quy mô nhỏ nhưng đã có nhiều cố gắng khai thác và cung cấp dịch vụ nhà hàng - khách sạn và các dịch vụ khác, đã đóng góp đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận cho Công ty

✓ **Kết quả kinh doanh năm 2019**

ĐVT: triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2019		Thực hiện năm 2018	So sánh	
	Kế hoạch	Thực hiện		Thực hiện/ Kế hoạch (%)	Thực hiện 2019/ Thực hiện 2018 (%)
Tổng doanh thu thuần	110.000	72.282	68.061	65,7%	106,2%
- Doanh thu lữ hành	20.000	24.653	18.572	123,3%	132,7%
- Doanh thu nhà hàng	35.000	30.197	33.059	86,3%	91,3%
- Doanh thu hàng hoá	40.000	2.498	4.003	6,2%	62,4%
- Doanh thu Khách sạn	10.000	9.137	8.105	91,4%	112,7%
- Doanh thu Dịch vụ khác	5.000	5.797	4.322	115,9%	134,1%
Lợi nhuận sau thuế	8.000	3.769	3.501	47,1%	107,7%

Nhìn chung trong năm 2019 tổng doanh thu thuần đạt 72,28 tỷ đồng, chỉ được 65,7% so với kế hoạch, chỉ tăng hơn so với năm 2018 là 6,2%.

Nguyên nhân không đạt kế hoạch đề ra là do đầu quý 2/2019 khách sạn Sông Hồng đã chính thức ngưng hoạt động để cải tạo sửa chữa đầu tư nâng cấp. Đến gần cuối năm 2019 Khách sạn Sông Hồng mới bắt đầu chính thức khai trương đưa vào hoạt động trở lại. Chính vì thế, công ty đã mất đi nguồn thu và lợi nhuận đáng kể trong năm 2019 tại đơn vị này. Bên cạnh đó, trước tình hình giá cả nguồn nguyên vật liệu đầu vào tại các nhà hàng, khách sạn biến động ngày càng tăng, Công ty không mở rộng kinh doanh, chỉ tập trung kiểm soát tốt các khoản chi phí ở mức hợp lý, phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế tại các đơn vị.

Mặt khác Doanh thu thương mại bán hàng hoá chỉ đạt 6,3% so với kế hoạch và 62,4% so với cùng kỳ là do trong năm 2019 Công ty tạm ngưng ký kết các hợp đồng thương mại do tỷ suất lợi nhuận hoạt động này chiếm tỷ lệ rất thấp.



TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH DU LỊCH

Địa chỉ: 02 Đốc Binh Kiều, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp





KHÁCH SẠN SAO MAI - số 178 Nguyễn Huệ- Phường 2- TP Cao Lãnh



KHÁCH SẠN SA ĐÉC - 108/5A Hùng Vương, P1, Sa đéc, Đồng Tháp



KHÁCH SẠN MEKONG – Đường Ngô Quyền, khóm 3, P.An Thạnh, Hồng Ngự, Đồng Tháp



KHÁCH SẠN BÔNG HỒNG – 251A, Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp



Nhà cổ Huỳnh Thủy Lê

3.1.3 Công ty CP Du Lịch An Giang



- Logo :
- Địa chỉ cũ : 1444 Trần Hưng Đạo, Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang.
Địa chỉ mới : Số 17 Nguyễn Văn Cung, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang
- Thành lập ngày : 23/08/2005 theo giấy CNĐKKD số 1600191767 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp. Đăng ký thay đổi lần 25 ngày 11/01/2019.
- Đại diện theo pháp luật : **Ông Trần Minh Trí** – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh lữ hành; Dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã đầu tư vào cty CP DL An Giang (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
107.744.300.000	161.209.410.000	72,71

✓ Tình hình hoạt động trong năm 2018

Doanh thu mang lại lợi nhuận cho Công ty chính nhờ hoạt động du lịch và chuỗi nhà hàng khách sạn gồm Đông Xuyên, Long Xuyên, Cừ Long, Bến đá Núi Sam, Khu du lịch sinh thái Rừng Tràm Trà Sư,....

Kết quả kinh doanh năm 2019:

Đơn vị tính: triệu đồng.

Các chỉ tiêu	Năm 2019		Thực hiện năm 2018	So sánh	
	Kế hoạch	Thực hiện		Thực hiện/ Kế hoạch (%)	Thực hiện 2019/ Thực hiện 2018 (%)
Tổng doanh thu thuần	110.000	90.229	79.879	82,03%	112,96%
Cụm Đông Xuyên	57.000	46.051	46.300	80,79%	99,46%
Tức Dụp	6.000	6.608	3.877	110,13%	170,46%
Núi Sam	12.000	11.635	9.596	96,96%	121,25%
Trung tâm DV Du lịch	15.000	8.434	15.437	56,23%	54,63%
Trà Sư	20.000	17.501	3.810	87,51%	459,30%
An Hải Sơn			859		
Lợi nhuận sau thuế	24.000	15.142	33.831	63,09%	44,76%

Năm 2019, doanh thu thuần tăng gần 13% so với năm 2018, chỉ đạt 82% so với kế hoạch, nguyên nhân là do trong năm 2019, công ty có tiến hành xây mới, nâng cấp, sửa chữa lại một số hạng mục của khách sạn, nhà hàng và một số địa điểm du lịch làm cho tình hình khai thác bị gián đoạn, nên doanh thu và lợi nhuận chưa đạt kế hoạch đề ra. Riêng lợi nhuận 2019 chỉ bằng 44,76% của năm 2018 là do trong năm 2018 có thanh lý một số tài sản không mang lại hiệu quả kinh doanh.



Lễ khởi công tôn tạo Di tích lịch sử cách mạng Đồi Tức Dụp - Tri ân các anh hùng liệt sĩ (AHLS) & lão thành cách mạng ngày 10/01/2019





Cầu tre trong Rừng Tràm Trà Su





KHÁCH SẠN CỬU LONG

21 Nguyễn Văn Cung, P. Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang



KHÁCH SẠN ĐÔNG XUYÊN

Số 9A Lương Văn Cù, Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang



KHÁCH SẠN LONG XUYỀN

19 Nguyễn Văn Cung, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

SAO MAI RESORT CHÂU ĐỐC

Tân Lộ Kiều Lương, P.Núi Sam,
TP.Châu Đốc, tỉnh An Giang



3.1.4 Công ty Cổ phần Nhựt Hồng

- Địa chỉ : Tòa nhà VCCI, tầng 04, 12 Hòa Bình, P.An Cư, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 3600648648 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/08/2003. Đăng ký thay đổi lần 7 ngày 07/07/2017 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cần Thơ.
- Đại diện theo pháp luật : Lê Thị Nguyệt Thu – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng; Kinh doanh bất động sản.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã đầu tư vào Nhựt Hồng (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
80.000.000.000	167.991.740.000	60

Đây là đơn vị đang thực hiện dự án Khu dân cư phía đông quốc lộ 1A (Khu A) - xã Lý Văn Lâm - Thành phố Cà Mau - Tỉnh Cà Mau, với quy mô dự án là 44,47 ha. Trong quá trình thực hiện dự án thì doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính và đã mời gọi Sao Mai tham gia góp vốn thực hiện dự án. Bằng kinh nghiệm của mình, Sao Mai nhận thấy dự án có một số điểm thuận lợi mà các dự án nếu đầu tư mới không có như cách trung tâm thành phố Cà Mau 2 km về hướng Nam, giao thông thuận lợi cả về đường bộ và đường thủy (đường Nguyễn Tất Thành ở phía Tây, đường Vành đai theo quy hoạch chung thành phố Cà Mau ở phía Bắc và sông Gành Hào ở phía Đông khu vực quy hoạch). Vì vậy, Sao Mai đã quyết định góp vốn cùng Công ty Nhựt Hồng thực hiện dự án. Hiện nay dự án đã hoàn thiện phần hạ tầng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kinh doanh tốt.



Phối cảnh Khu đô đi mới Nhựt Hồng

3.1.5 Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính và Truyền thông Quốc tế (MIF Corp)



- Logo : 
- Địa chỉ : số 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang.
- Thành lập : theo giấy CNĐKKD số 1601388847 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18/08/2010 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 16/12/2016.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Mạnh Dũng – Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Tổ chức sự kiện, tổ chức hậu kỳ; Quảng cáo thương mại; Đầu tư tài chính các doanh nghiệp và cá nhân,..; Bồi dưỡng và cung ứng nguồn lao động
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã đầu tư vào MIF (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
18.000.000.000	11.510.000.000	63,94

✓ Tình hình chung:

Công ty CP Đầu tư Tài chính và Truyền thông Quốc tế (MIF) hoạt động trong lĩnh vực truyền thông; tổ chức sự kiện; Tư vấn du học; Dịch vụ đưa người đi lao động ở nước ngoài....

MIF đã liên kết với các Trường Cao đẳng nghề trong và ngoài tỉnh An Giang đào tạo chuyên môn theo chuẩn giáo trình của Bộ LĐ-TB-XH và Bộ GD&ĐT. Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ của Công ty sẽ dạy ngoại ngữ Nhật - Trung - Hàn đạt trình độ phổ thông cho các ứng viên. Đồng thời MIF sẽ trang bị kỹ năng sống, trau dồi kiến thức văn hóa ứng xử - làm việc để các tu nghiệp sinh dễ dàng hòa nhập với môi trường sống nước sở tại. MIF có ký túc xá và nhà ăn tập thể tạo điều kiện thuận lợi cho các học viên làm quen với cách thức sinh hoạt nhóm và kỷ luật học tập.

Thời gian tới, ngoài cung ứng lao động, MIF còn thực hiện tư vấn du học đến nhiều quốc gia có nền giáo dục hiện đại: Singapore, Mỹ, Úc, Hà Lan, Thụy Sĩ, Anh, Đức, Pháp....

Bước đầu, MIF hướng đến Nhật Bản - nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới, đất nước có trình độ tối ưu về phát triển khoa học kỹ thuật, đặc biệt là văn hóa ứng xử của con người văn minh, lịch lãm. Hiện MIF đã thành lập Văn phòng đại diện tại Tokyo để làm đầu mối liên lạc và hỗ trợ mọi thông tin và giải đáp những vấn đề về thị trường lao động tại đây.

✓ Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2019

Năm 2019, MIF đã đưa được 158 Thực tập sinh (TTS) đi làm việc tại Nhật Bản. Phía đối tác cũng đánh giá cao về chất lượng đào tạo của công ty và nhiều đơn vị đã ký kết hợp tác lâu dài.

Năm 2020, Nhật Bản sẽ có nhiều chính sách mới để thu hút lao động, giải quyết tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực trầm trọng tại chính quốc. Phía công ty cũng có kế hoạch tăng số lượng lao động đi làm việc tại Nhật khoảng 500 TTS. Để đạt hiệu quả, thời gian tới, MIF tiếp tục duy trì và chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo học viên, tăng cường phối hợp với các địa

phương đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động. Bên cạnh đó, MIF sẽ mở rộng hợp tác với các xí nghiệp, nghiệp đoàn tại Nhật Bản có uy tín, trách nhiệm để cung ứng lao động, giúp mọi người có việc làm ổn định và thu nhập cao. Qua đó, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang nói riêng và khu vực ĐBSCL nói chung.

Bên cạnh các hoạt động chính của công ty, MIF cũng tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ tư vấn đưa người lao động làm việc nước ngoài cho đội ngũ tuyên truyền viên trên địa bàn TP. Long Xuyên và các huyện thị tỉnh An Giang.



Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai và lãnh đạo MIF tặng quà cho các tu nghiệp sinh xuất sắc được chọn sang Nhật làm việc



Trong thời gian từ ngày 10-12/6, gần 100 học viên của MIF đã tham gia buổi phỏng vấn với nghiệp đoàn Nghiệp đoàn Business corp, Công ty WAIZU Nagoya và Nghiệp đoàn MINSYU (Nhật Bản)



Các thực tập sinh chuẩn bị sang Nhật học tập và làm việc



Công ty MIF vinh dự đón tiếp lãnh đạo tỉnh Wakayama, các nghiệp đoàn đến tham quan, chụp hình lưu niệm tại Lễ hội giao lưu văn hóa Việt – Nhật lần thứ 5, được tổ chức tại công viên sông Hậu, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ từ ngày 29/11 - 02/12/2019.

3.1.6 Công ty TNHH Sao Mai Super Feed



- Logo:
- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Website: www.saomaisuperfeed.com
- Thành lập ngày: 04/06/2014 theo giấy CNĐKKD số 1401976866 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 16/12/2019.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tuấn Anh – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản.
 - Xây dựng các công trình dân dụng.
 - Kinh doanh bất động sản.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã đầu tư vào SMSF (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
400.000.000.000	400.000.000.000	100

Công ty TNHH Sao Mai Super Feed được thành lập với 100% vốn góp từ Sao Mai. Hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản nhằm tận thu tất cả các sản phẩm phụ để nâng cao chuỗi giá trị con cá tra, hướng đến phát triển bền vững của Tập Đoàn.

Sao Mai Super Feed sẽ tiếp quản nhà máy sản xuất thức ăn hiện đại, hệ thống máy móc thiết bị nhập khẩu hoàn toàn từ Châu Âu, nạp liệu theo qui trình hoàn toàn tự động và khép kín với công suất 378.000 tấn/năm, gồm 7 dây chuyền, công suất mỗi dây chuyền 12 tấn/ giờ. Tổng vốn đầu tư gần 1.000 tỷ đồng,

Ở giai đoạn I, Nhà máy sẽ sản xuất thức ăn hỗn hợp cho cá tra và cá rô phi đạt tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 10300 – 2014.

Một mặt để từng bước chuẩn bị nguồn nguyên liệu đầu vào cho Nhà máy chế biến thức ăn, Tập đoàn đã thực hiện “Dự án liên kết phát triển cây khoai mì trên vùng đất sản xuất kém hiệu quả”. Tập đoàn hỗ trợ nông dân về cây giống, vật tư và bao tiêu sản phẩm. Theo kế hoạch, diện tích KM140 sẽ được Tập đoàn phát triển mạnh khoảng 5.000 ha trải dài qua 2 huyện Tịnh Biên và Tri Tôn của vùng Bảy Núi. Dự án sẽ là giải pháp tối ưu để hỗ trợ nông dân chuyển đổi, phát triển sản xuất tại những vùng đất trồng lúa không hiệu quả và chưa được đầu tư công trình thủy lợi, đồng thời sẽ giải quyết một phần nguyên liệu đầu vào cho nhà máy chế biến thức ăn.



Ngày 17/01/2020, Sao Mai Super Feed danh dự được nhận giải thưởng
Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2019

3.1.7 Công Ty TNHH Sao Mai Solar



- Logo : **Sao Mai Solar**
Go Green
- Địa chỉ : 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Thành lập ngày : 24/06/2017 theo giấy CNĐKKD số 1602043789 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Tuấn Anh – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Lắp đặt hệ thống điện.
 - Xây dựng các công trình dân dụng.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã đầu tư vào Sao Mai Solar	Tỷ lệ lợi ích (%)
20.000.000.000	15.638.450.000	100

Công ty TNHH Sao Mai Solar được thành lập với 100% vốn góp từ Sao Mai. Hoạt động chính trong lĩnh vực năng lượng sạch. Công ty chuyên lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời. Trong năm 2017, Công ty bắt đầu đi vào hoạt động, mở đầu là lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời cho các hộ dân, công ty,...

Trong năm 2019, Sao Mai Solar thực hiện một số dự án NLMT như: dự án lắp đặt các hệ thống NLMT áp mái cho 12 cụm văn phòng, xí nghiệp thuộc điện lực Đồng Tháp

1. Điện lực Cao Lãnh, Tháp Mười, Thanh Bình và Đội QLVH LĐ Cao Thê
2. Điện lực Tam Nông, TX. Hồng Ngự, Tân Hồng và Hồng Ngự
3. Điện lực Sa Đéc, Châu Thành, Lai Vung và Lấp Vò





Hệ thống điện năng lượng mặt trời 98kWp tại Công ty Điện Lực Đồng Tháp

Hệ thống NLMT với công suất 123KWP cho 6 văn phòng điện lực và trạm 110kV tỉnh Trà Vinh:

1. Đội QLVH LĐCT Trà Vinh
2. Điện lực Càng Long
3. Điện lực Cầu Kè
4. Điện lực thị xã Duyên Hải
5. Điện lực Tiểu Cần
6. Điện lực Trà Cú





Hệ thống điện năng lượng mặt trời tại Công ty Khai Anh Bình Thuận



Tận dụng diện tích trên mái nhà xưởng để lắp Pin mặt trời



3.1.8 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI:



- Logo :
- Địa chỉ : QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : 15/07/2003 theo Giấy CNĐKKD số 0303141296 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Đăng ký thay đổi lần 19, ngày 25/11/2019 tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Văn Chung.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy.
 - Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông; Kinh doanh nhà; Kinh doanh khách sạn.
 - Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất; Mua bán, chế biến thủy hải sản.
 - Kinh doanh bất động sản.
 - Sản xuất bao bì nhựa – giấy, nước đóng chai.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã đầu tư vào IDI (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
2.276.446.080.000	997.398.163.912	51,23

- Tình hình chung

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI sở hữu Nhà máy chế biến cá tra đông lạnh xuất khẩu với công suất lên 600 tấn nguyên liệu/ngày, được đầu tư dây chuyền thiết bị hiện đại, nhập khẩu từ các nước Châu Âu, sản phẩm IDI luôn khẳng định chất lượng của mình trên thị trường. Bên cạnh việc duy trì tốt các thị trường lớn hiện có như: EU, Braxin, Comlombia, Hoa Kỳ và Trung Quốc... IDI liên tục xúc tiến mở rộng các thị trường tiềm năng mới như Nga, Hàn Quốc, Trung Đông, Các nước Đông Âu... Vùng nuôi liên kết của công ty không ngừng được mở rộng lên đến 350ha, chủ động đến trên 90% nguyên liệu cho 3 nhà máy chế biến.

Trong năm 2019, ngoài nắm giữ vị trí cao trong Bảng xếp hạng VNR500 thì IDI còn đạt được nhiều danh hiệu khác như: Top 500 DN tăng trưởng bền vững xuất sắc; Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam; Top 10 Công ty thực phẩm uy tín năm 2019. Và đặc biệt là top 3 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam.

▪ Tình hình kinh doanh 2019

Năm 2019, sản phẩm cá tra Việt Nam sang thị trường Malaysia tăng cao, trong đó, IDI góp phần quan trọng. Đây là quốc gia theo đạo Hồi, nhu cầu thủy sản có những đặc điểm riêng, đòi hỏi việc cung ứng phải nghiêm cứu và IDI cung cấp ngoài fillet đông lạnh, còn có bong bóng cá tra sấy, cá tra cắt khúc đông lạnh, bao tử cá, dầu ăn, cá tra tẩm bột. Các sản phẩm này đang được người dân Malaysia khá ưa chuộng.

Sản phẩm cá tra của IDI sang Đức cũng tăng mạnh trong năm 2019, đa dạng như cá tra cắt khúc, da cá tra đông lạnh, fillet đông lạnh, cá tẩm bột, cá xiên que... Đặc biệt có dòng sản phẩm mới là fillet cá tra organic với giá trung bình 9,6 - 9,78 USD/kg, được nhiều khách hàng ưa chuộng. Theo lãnh đạo IDI, sản phẩm của Công ty xuất khẩu tới hơn 50 thị trường trên thế giới qua chế biến của hai nhà máy có tổng công suất một ngày 600 tấn nguyên liệu, đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường cao cấp.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu trong năm 2019

STT	CHÂU LỤC	DOANH THU (USD)	TỶ LỆ (%)
1	CHÂU ÂU	9.314.972,27	6,92%
2	CHÂU MỸ	30.459.064,37	22,63%
3	CHÂU Á	91.302.761,26	67,83%
4	CHÂU PHI	923.335,80	0,69%
5	CHÂU ÚC	2.601.827,54	1,93%
TỔNG		134.601.961,24	100%







Nhà máy đông lạnh số 1 hoạt động từ năm 2005 với công suất là 300 tấn nguyên liệu/12 giờ/ngày



Tháng 05/2016, Nhà máy số 2 đi vào hoạt động với công suất thiết kế là 150 tấn nguyên liệu/12 giờ



Kho lạnh số 3 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm



Để xây dựng thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và xúc tiến bán hàng, nhằm tiếp cận và tìm kiếm khách hàng mới, hàng năm Công ty đều tham gia các kỳ Hội chợ lớn chuyên ngành thủy sản như hội chợ VIETFISH ở Việt Nam, CONXERMA ở Tây Ban Nha, GUFTFOOD ở Dubai - UAE, hội chợ BOSTON ở Mỹ, hội chợ thực phẩm ở Nga, hội chợ BRUSSEL ở Bỉ, Hội chợ Vũ Hán, Thanh Đảo, Phúc Châu, Quảng Châu, Thượng Hải ở Trung Quốc....



Tổng Giám đốc Công ty IDI (bên trái) chụp ảnh lưu niệm cùng đối tác tại Hội chợ triển lãm thủy sản toàn cầu Brussels lần thứ 27 tại Vương quốc Bỉ từ 7-9/5/2019



Nhiều doanh nghiệp (Bì) tìm hiểu, ký kết hợp tác với công ty IDI



3.1.9 Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản (Trisedco):



- Logo : 
- Địa chỉ : Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1600895650 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp ngày 15/03/2008, đăng ký thay đổi lần 20 ngày 29/07/2019.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Lâm.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm thủy sản.
 - Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã đầu tư vào Trisedco (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
460.054.130.000	15.000.000.000	43,95



Bột cá



Mỡ cá



Vây cá



Bong bóng cá



Bao tử cá

Trisedco được thành lập vào năm 2008, chính thức lên sàn giao dịch từ ngày 27/10/2015 với mã chứng khoán DAT.

Trisedco được biết đến là doanh nghiệp chế biến bột cá tra lớn nhất nước với nhà máy công suất hiện tại 450 tấn nguyên liệu/ngày, nguồn nguyên liệu chính là phụ phẩm cá tra (như đầu, xương, thịt vụn, nội tạng,...). Năm 2019, Công ty đã xây dựng thêm kho chứa thành phẩm lên 5.000 tấn.

Thị trường xuất khẩu chính của Trisedco hiện nay là: Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc. Ngoài ra Trisedco còn là nhà sản xuất và cung cấp sản phẩm bột cá, mỡ cá uy tín và chất lượng cho thị trường nội địa tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, năm 2015 Trisedco đã sở hữu Nhà máy tinh luyện Dầu cá Cao cấp Sao Mai (diện tích gần 4ha) tại xã Bình Thành, huyện Lập Vò (Đồng Tháp) với công suất 200 tấn nguyên liệu/ngày, tổng kinh phí trên 500 tỷ đồng. Nhà máy được trang bị các thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Châu Âu Desmet. Dầu cá được sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế FSSC tự động hóa hoàn toàn. Đây là Nhà máy đầu tiên trên thế giới sản xuất dầu thực phẩm từ mỡ cá tra làm nguyên liệu đầu vào cho thực phẩm và hóa phẩm. Hiện tại, Nhà máy tinh luyện dầu cá do Công ty Cổ phần Châu Á (Công ty thành viên của Tập đoàn) điều hành, sản xuất và kinh doanh.

Kết quả kinh doanh 2019, tổng doanh thu là 2.493 tỷ đồng tăng 57,2%, lợi nhuận sau thuế 62,7 tỷ đồng tăng 20,88% so với năm 2018. Kết quả này đã đưa Trisedco thống lĩnh vị trí Top đầu doanh nghiệp sản xuất bột cá, mỡ cá lớn nhất Việt Nam.

Trisedco đạt được kết quả khả quan nhờ Công ty thực hiện tốt các giải pháp kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào, các định mức sản xuất, cải tiến kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động, đặc biệt xúc tiến thương mại mở rộng thị trường: Thái Lan, Nhật, Hàn Quốc, Malaysia,...

Theo kế hoạch năm 2020, Trisedco sẽ đầu tư thêm lò hơi và cải tạo thêm máy móc thiết bị để đủ tiêu chuẩn xuất khẩu qua thị trường châu Âu.



Dây chuyền công nghệ đạt tiêu chuẩn HACCP và ISO 9001 – 22000 của công ty Trisedco.

3.1.10 Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư tài chính (ASTAR)



- Logo:
- Địa chỉ: số 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1600583700 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 12/10/2000. Đăng ký thay đổi lần 11 ngày 25/07/2017.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh Duy – Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã đầu tư vào Astar (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
120.000.000.000	8.660.000.000	53,83

✓ Tiền thân của Công ty Astar là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Thiết kế Kiến trúc An Giang. Trong những năm qua, Astar đã thực hiện tư vấn, thiết kế và giám sát nhiều dự án do Sao Mai làm chủ đầu tư.

✓ Phôi cảnh một số công trình Astar đã thực hiện:



Resort Sao Mai Thanh Hóa thiên đường nghỉ dưỡng bậc nhất xứ Thanh





Phối cảnh - Khu bungalow trong rừng Trà Trà Sur



Phối cảnh – Nhà máy nước uống thiên nhiên An Hảo



Phối cảnh Kho lạnh số 4

3.1.11 Công ty Cổ phần Điện mặt trời Europlast Long An

- Địa chỉ: Khu D, xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1101877021 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 16/03/2018. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11/01/2019.
- Đại diện theo pháp luật: Lê Tuấn Anh – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: Điện mặt trời
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã đầu tư vào Europlast Long An (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
300.000.000.000	402.500.000.000	76,67%

Công ty CP Điện mặt trời EuroPlast Long An là chủ đầu tư dự án Nhà máy Điện mặt trời Europlast Long An. Dự án này có tổng mức đầu tư 1.157 tỉ đồng, công suất nhà máy 50MW, xây dựng trên diện tích 58,6ha. Sau 6 tháng triển khai thần tốc, dự án điện Long An cũng được đấu nối ngày 10/06/2019 và được hưởng mức giá bán điện ưu đãi 9,35 cent/kWh.

3.1.12 Cổ phần Phát triển Bóng Đá Đồng Tháp



- Logo : 
- Địa chỉ : Số 140 Lê Duẩn, P.Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1401993195 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 04/12/2014. Đăng ký thay đổi lần 5 ngày 25/09/2017.
- Đại diện theo pháp luật : Trần Lâm Vũ – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Hoạt động của các lạc bộ thể thao
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.
 - Quảng cáo
 - Giáo dục thể thao và giải trí
 - Hoạt động thể thao khác.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã đầu tư vào Bóng đá Đồng Tháp (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
24.500.000.000	2.000.000.000	8,16

3.2. Tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên doanh liên kết:

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Tổng tài sản
1	Cty Dừng Thịnh Phát	18	12	50.000	49.139
2	Cty Du Lịch Đồng Tháp	72.282	3.669	65.748	110.120
3	Cty Du Lịch An Giang	90.229	15.142	107.744	178.907
4	Cty CP Nhựt Hồng	166.568	9.501	80.000	255.629
5	Cty Truyền thông Quốc tế MIF	30.214	622	18.000	13.227
6	Cty TNHH Sao Mai Super Feed	2.066.103	245.142	400.000	1.049.564
7	Cty TNHH TM Sao Mai Solar	22.295	1.637	15.638	23.930
8	Cty IDI (hợp nhất)	7.731.883	325.956	2.276.446	7.493.567
9	Cty Trisedco	2.493.268	62.271	460.054	1.575.351
10	Cty CP tư vấn và đầu tư tài chính - Astar	41.170	338	52.168	60.369
11	Cty CP điện mặt trời Europlast Long An	77.435	51.645	300.000	1.039.313



Raneer hân hạnh được vinh danh top 100 sản phẩm/dịch vụ Tin & Dừng 2019

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẬP ĐOÀN

1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019 so với 2018
	a	b	c	d	$e = (d-c)/c \times 100\%$
1	Tổng giá trị tài sản	tỷ đồng	11.975	15.596	30%
2	Doanh thu thuần	tỷ đồng	8.887	14.224	60%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	851	806	-5%
4	Lợi nhuận trong công ty liên kết liên doanh	tỷ đồng	65	0	-100%
5	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	1.316	872	-34%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	1.198	823	-31%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	4.293	2.509	-42%

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (BCTC hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,36	1,15	
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	0,91	0,71	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,52	0,60	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,09	1,47	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	4,30	4,93	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,74	0,91	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13,5%	5,8%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	20,9%	13,1%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10,0%	5,3%	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	9,6%	5,7%	

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành theo danh sách chốt ngày 30/03/2020: **258.867.849 cổ phần**
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **258.867.849 cổ phần**

2. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông trong nước và nước ngoài:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (*)
I	Cổ đông trong nước	6.402	254.564.136	98,34%
1	Cổ đông là cá nhân	6.361	254.087.744	98,15%
	<i>HDQT, Ban TGD, KTT, BKTNN</i>	13	68.928.029	26,63%
2	Cổ đông là pháp nhân	41	476.392	0,18%
II	Cổ đông nước ngoài	104	4.303.713	1,66%
1	Cổ đông là cá nhân	79	1.452.115	0,56%
2	Cổ đông là pháp nhân	25	2.851.598	1,10%
	Tổng cộng (I+II)	6.506	258.867.849	100,00%

(*) là tỷ lệ cổ phần của từng loại cổ đông trên tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty CP Tập đoàn Sao Mai.

– Chi tiết cổ đông lớn:

STT	Họ và tên	CMND	Chức vụ tại cty	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Lê Thanh Thuận	350006170	TV.HĐQT - TGD	49.986.486	19,31%
2	Lê Tuấn Anh	352242478		29.154.839	11,26%
3	Lê Thị Nguyệt Thu	351592182	CT.HĐQT	13.808.375	5,33%
4	Võ Thị Thanh Tâm	351343854		13.459.810	5,20%
5	Lê Thị Thiên Trang	351916791		13.298.781	5,14%
	Tổng Cộng			119.708.291	46,24%

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm 2019, Sao Mai đang bổ sung các báo cáo cho Ủy ban chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán để hoàn tất thủ tục pháp lý cho việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức. Sau khi chia cổ tức, vốn điều lệ của Sao Mai sẽ tăng từ 2.419.338.530.000 đồng lên 2.588.678.490.000 đồng.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng được quan tâm. Vấn đề môi trường còn được coi là một vấn đề quan trọng tác động tới tiến trình phát triển bền vững hiện nay trên toàn thế giới. Các hoạt động gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến môi trường ngày càng bị lên án, người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường...

Nhận thức được tình hình trên, bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội, tạo công ăn việc làm cho người lao động, Sao Mai luôn quan tâm đến môi trường và chọn những giải pháp tối ưu để bảo vệ môi trường.

1. Tiêu thụ năng lượng và nước

Trong văn phòng làm việc, Sao Mai luôn lựa chọn sử dụng những thiết bị tiết kiệm điện, thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, Công ty còn đề ra và quản lý định mức tiêu hao hàng tháng để đảm bảo việc sử dụng năng lượng và nước không vượt quá định mức tiêu hao đã đề ra.

Điện mặt trời là nguồn năng lượng sạch, hiệu quả phát điện lớn nhất trong các nguồn năng lượng mới và tái tạo do đó Tập đoàn đã nghiên cứu phát triển sang lĩnh vực mới này.

Trong năm 2017, 4.000 tấm pin năng lượng mặt trời được lắp trên nóc Nhà máy đông lạnh của Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI, vốn đầu tư gần 1,5 triệu USD. Dự án đi vào hoạt động giúp giảm 20% chi phí tiền điện mỗi năm cho Công ty IDI. Đây là dự án Năng lượng mặt trời mẫu và là bước khởi đầu trong kế hoạch phát triển chuỗi các nhà máy Điện mặt trời của Tập đoàn.

Trong năm 2019, Tập đoàn tiếp tục hoàn thành thêm dự án Điện mặt trời 104MWP tại Tỉnh Biên - An Giang và dự án Điện mặt trời 50MWP tại Đức Huệ - Long An. Dự án đã bổ sung nguồn điện năng cho đất nước, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giảm lượng khí thải do hoạt động sản xuất điện, giảm thiểu ô nhiễm môi trường toàn cầu, phù hợp với xu thế phát triển bền vững chung của thế giới.



Hệ thống điện mặt trời của Nhà máy đông lạnh thủy sản số 1 do Tập đoàn Sao Mai lắp đặt

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Đối với lĩnh vực xây dựng và bất động sản, trước khi thực hiện dự án, Công ty đều có báo cáo thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. Đồng thời đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất.

Đồng thời, khi thực hiện dự án, Công ty ưu tiên lựa chọn nhà thầu xây dựng có giải pháp tốt và cam kết thực hiện các biện pháp tối ưu để bảo vệ môi trường.

3. Chính sách liên quan đến người lao động

- Tổng số lao động của Tập đoàn Sao Mai tính bình quân năm 2019 là trên 10.000 người. Mức lương trung bình của người lao động từ 10 đến 30 triệu đồng/tháng.
- Định kỳ hàng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe cho người lao động. Nghiêm cấm tất cả cán bộ công nhân viên hút thuốc và có chế tài xử lý nếu CBCNV vi phạm nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động của công ty.
- Công ty có chính sách khen thưởng cho CBCNV có nhiều thành tích đóng góp cho Công ty.
- Công ty luôn tạo điều kiện và hỗ trợ cho các bộ phận chuyên môn tham gia các buổi tập huấn, các lớp chuyên đề, hội thảo....về thuế, kế toán, chứng khoán,....
- Công ty có chính sách đào tạo đội ngũ lãnh đạo chủ chốt thông qua các lớp học phát triển kỹ năng, chuyên môn trong nước và nước ngoài.
- Ngoài ra Công ty còn có chính sách ưu đãi cho CBCNV mua nền trả góp.

4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Nhiều năm qua, Tập đoàn Sao Mai luôn dẫn đầu trong phong trào chăm lo đời sống cho cộng đồng với nhiều chương trình như: Sao Mai ăn tết người nghèo; tài trợ cho nông dân để thực hiện “Dự án liên kết phát triển cây khoai mì trên vùng đất sản xuất kém hiệu quả”; Thực hiện phổ biến chính sách an sinh xã hội: tài trợ học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, tài trợ chi phí thực tập sinh cho con em trong khu vực được đi làm việc và học tập tại Nhật Bản, giải quyết việc làm cho các hộ gia đình vùng núi,... Thông qua việc thực hiện hàng loạt chính sách ASXH, Sao Mai Group đã góp phần đem lại sự ổn định về tinh thần lẫn vật chất cho mỗi gia đình...

Riêng Tết Kỷ Hợi 2019, từ ngày 20/01 đến ngày 31/01/2019, Tập đoàn Sao Mai đã triển khai chương trình “Sao Mai ăn Tết với người nghèo” với tổng kinh phí trên 5 tỷ đồng. Đây là năm thứ 6 liên tiếp Sao Mai Group thực hiện chương trình này. Theo đó, Sao Mai Group đã trao tặng hơn 5.000 phần quà cho bà con nghèo có hoàn cảnh khó khăn tại các tỉnh: An Giang, Cần Thơ, Cà Mau, Long An và Thanh Hóa với mong muốn giúp đỡ những mảnh đời khó khăn đón cái Tết đủ đầy và ấm áp hơn.



Cũng trong năm 2019, Tập đoàn Sao Mai đã đồng hành trong các chương trình “Rung chuông vàng” ngày 11/10/2020; Hội thao phụ nữ tỉnh lần thứ 4 ngày 17/10/2020 do Hội LHPN tỉnh An Giang tổ chức chào mừng kỷ niệm 89 năm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Thông qua hoạt động ý nghĩa này, thông điệp gửi đến tất cả mọi người là: thể dục thể thao mang đến sức khỏe - sắc đẹp và lạc quan trong cuộc sống.



Hội thao phụ nữ tỉnh lần thứ 4 ngày 17/10/2020



Lãnh đạo Sở NN&PTNT cùng lãnh đạo Tập đoàn Sao Mai thăm Vùng liên kết sản xuất khoai mì tại Tịnh Biên



Đề án liên kết với huyện Tịnh Biên phát triển vùng nguyên liệu khoai mì trên vùng đất sản xuất kém hiệu quả do Tập đoàn Sao Mai triển khai đã bước sang năm thứ hai bội thu

C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

Năm 2019 tiếp tục được xem là năm phát triển mạnh mẽ của Sao Mai Group với doanh thu thuần hợp nhất hơn 14.223 tỷ đồng, tăng 60% so với năm 2018 và cao hơn 36% so với kế hoạch đề ra. Trong đó BĐS chiếm tỉ trọng 4,3%, sản xuất & thương mại chiếm 91,4%, dịch vụ chiếm 1,8% và xây dựng chiếm 1%, điện mặt trời chiếm 1,6%.

Về lợi nhuận sau thuế, Tập đoàn thu về 823 tỷ đồng, bằng 69% so với năm 2018 và đạt 66% so với kế hoạch.

Riêng về kết quả kinh doanh năm 2019 của công ty mẹ - Sao Mai, doanh thu thuần đạt 4.384 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2018 và lợi nhuận sau thuế đạt 374 tỷ, tăng 48% so với năm 2018.

1.1. Về lĩnh vực Bất động sản:

Năm 2019 doanh thu thuần bất động sản đạt hơn 609 tỷ đồng, tăng 63% so với kết quả kinh doanh năm 2018, cao hơn so với kế hoạch 12,9%. Tiền thu từ bất động sản hơn 636 tỷ đồng.

Chi tiết doanh thu thuần một số dự án tiêu biểu của Sao Mai như sau:

ĐVT: tỷ đồng

Dự án bất động sản	Doanh thu thuần
Khu dân cư Xuân Biên (Tĩnh Biên - An Giang)	70,5
Khu dân cư Tân Hiệp (Kiên Giang)	13,4
Khu dân cư Xuân Thịnh (Thanh Hóa)	44,3
Khu dân cư Cái Dầu (Châu Phú - An Giang)	30,1
Khu dân cư Bình Khánh 5 (Long Xuyên - An Giang)	141,6
Khu dân cư Ngọc Hầu (Châu Đốc - An Giang)	61,9
Khu dân cư Lấp Vò (Đồng Tháp)	76,9
Khu dân cư Tri Tôn (An Giang)	50,5



Tình hình khai thác cụ thể các dự án Bất động sản của Tập đoàn tính đến ngày 31/12/2019:

Diễn giải	Theo dự án			Đã bán			Còn lại		
	Đất nền		Đất kinh doanh khác (m2)	Đất nền		Đất kinh doanh khác (m2)	Đất nền		Đất kinh doanh khác (m2)
	Số nền	Diện tích (m2)		Số nền	Diện tích (m2)		Số nền	Diện tích (m2)	
Khu dân cư Bình Khánh 3	2.564	250.832	4.950	2.461	235.776		103	15.056	4.950
Khu dân cư Bình Khánh 5	1.234	135.575	8.593	1.075	105.530		159	7.396	8.593
Khu dân cư Phú Hòa	295	21.698		295	21.698		-	-	
Khu dân cư Cái Dầu - Châu Phú	1.031	105.392	10.400	951	97.002		80	9.376	10.400
Khu dân cư Châu Đốc	53	2.185		53	-		-	-	
Khu dân cư Ngọc Hầu	192	31.042		175	27.049		22	3.993	
Khu dân cư Tịnh Biên	1.159	110.027	13.529	1.090	98.474		69	11.553	13.529
Khu dân cư Tri Tôn	1.069	107.177	24.925	949	96.288		120	10.889	24.925
Khu dân cư Hội An	230	29.447	24.925	230	29.447	20.661	-	-	4.264
Khu dân cư Tân Hiệp	364	41.863		357	40.010		7	840	
Khu dân cư Bình Thạnh Trung	279	28.737		179	16.787		100	11.951	
Khu dân cư TTTM Lấp Vò	507	55.739	38.791	494	54.254		13	1.486	7.391
Khu dân cư Xuân Thịnh	1.484	201.635	19.991	607	80.475		877	121.160	19.991
Khu dân cư Cà Mau	1.529	156.078		718	46.250		811	109.828	
Tổng	11.990	1.277.427	146.104	9.634	949.038	20.661	2.361	303.527	94.043



1.2. Về lĩnh vực Thủy sản:

Doanh thu thương mại thủy sản và thức ăn trên BCTC hợp nhất đạt 12.993 tỷ đồng, tăng 57% so với năm 2018, cao hơn 37% so với kế hoạch đề ra.

1.3. Về lĩnh vực Xây dựng:

Năm 2019, doanh thu thuần hợp nhất của lĩnh vực xây dựng chỉ đạt 138 tỷ đồng, tăng 72% so với 2018, đạt 92% so với kế hoạch.

Theo báo cáo riêng của Sao Mai, doanh thu xây dựng là 246 tỷ đồng, chỉ bằng 69% so với năm 2018. Nguyên nhân doanh thu xây dựng giảm là do trong năm 2019, Sao Mai không nhận thêm tổng thầu xây dựng, chỉ hoàn thành các công trình còn đang dở dang.

1.4 Về lĩnh vực Dịch vụ:

Doanh thu lĩnh vực dịch vụ, theo báo cáo tài chính hợp nhất đạt 253 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2018 và cao gấp 2 lần so với kế hoạch đề ra. Riêng về lĩnh vực dịch vụ, khách sạn du lịch, doanh thu đã tăng gần 18% so với năm 2018.

Về công ty mẹ, Sao Mai đạt doanh thu dịch vụ là 33 tỷ đồng, cũng tăng 2,2 lần so với năm 2018.

1.5 Về lĩnh vực điện mặt trời

Bắt đầu hoạt động cuối tháng 06/2019, hai dự án điện mặt trời đã mang lại nguồn doanh thu đáng kể.

DVT: tỷ đồng

Điện mặt trời	Doanh thu
Tại xã An Hảo, huyện Tịnh Biên (giai đoạn 1+2)	149
Tại xã Đức Hòa, huyện Đức Huệ Long An	77,4
Tổng cộng	226,4

Dưới đây là bảng so sánh kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 (theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán) so với kế hoạch và năm trước:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018 (tỷ đồng)	Năm 2019		So sánh (%)	
		Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	TH 2019/ TH 2018	TH 2019/ KH 2019
Doanh thu thuần	8.887	10.495	14.224	160,0%	135,5%
Lợi nhuận sau thuế	1.198	1.244	823	68,7%	66,2%

2. Những tiền bộ Công ty đã đạt được

Về uy tín, Sao Mai đã khẳng định vị thế của Tập đoàn trên khắp cả nước. Các dự án của Sao Mai trải dài ở các tỉnh như An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Bến Tre, TP.HCM, Hòa Bình, Thanh Hóa.... Sao Mai luôn được các lãnh đạo ban ngành các tỉnh đồng thuận và ủng hộ. Không những thế, Tập đoàn Sao Mai đã nâng tầm thương hiệu của mình vang xa đến các bạn bè Quốc Tế. Các hoạt động kinh doanh và dự án của Sao Mai được các tổ chức kinh tế thế giới quan tâm, đến viếng thăm và làm việc. Tiêu biểu những năm gần đây như: Tập đoàn Desmet Ballestra (Châu Âu); Đoàn lãnh đạo Thành phố Oss – Hà Lan; Tập đoàn Koyo (Nhật); Công ty Hanmi Global (Hàn Quốc); Công ty Eiki Shoji Corporation (Nhật Bản); Lãnh đạo Cơ quan Phát Triển Quốc tế Hoa Kỳ - USAID; Ban lãnh đạo Cơ quan hợp tác phát triển Đức (GIZ); Tập đoàn Siemens (CHLB Đức); Tập đoàn CJ (Hàn Quốc); Tập đoàn SKIOLD (Đan Mạch); Đoàn báo chí Đức

✓ Về tài chính, nhờ tình hình tài chính lành mạnh, kinh doanh vững vàng và uy tín trong mối quan hệ với các tổ chức tín dụng đã tạo thuận lợi cho Sao Mai trong việc khai thác và huy động các nguồn vốn để thực hiện các dự án. Trong năm 2019, hơn 2.000 tỷ đồng của tổ chức tín dụng tài trợ cho Tập đoàn để hoàn thành hai dự án Nhà máy điện mặt trời. Và trong năm 2020 đã có ngân hàng cam kết tài trợ vốn khoảng 1.300 tỷ đồng cho dự án Nhà máy điện mặt trời Sao Mai (giai đoạn 2) 106MW tại xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

✓ Về nhân lực, Tập đoàn đã có một nguồn nhân lực dồi dào, có trình độ chuyên môn giỏi, đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của một Tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề. Đội ngũ lao động trẻ được đào tạo bài bản, trình độ chuyên môn cao là nhân tố quan trọng giúp Sao Mai phát triển vững chắc và toàn diện.

✓ Về công nghệ, Sao Mai không ngừng ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cấp máy móc thiết bị hiện đại để xử lý công việc được nhanh chóng và tiện lợi, tiết kiệm thời gian và nâng cao năng suất lao động.



Cuối tháng 5/2019 ông Lê Thanh Thuận và ông Lasse Hansen - lãnh đạo SKIOLD (Đan Mạch) ký kết biên bản hợp tác chiến lược cho dự án lúa gạo

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tài sản:

- Năm 2019, Tổng tài sản của Tập đoàn Sao Mai đạt 15.596 tỷ đồng, tăng 3.620 tỷ đồng, cao hơn 30% so với năm 2018.
- Trong cơ cấu tổng tài sản thì tài sản dài hạn chiếm 8.076 tỷ đồng (# 51% tổng tài sản) và tài sản ngắn hạn chiếm hơn 7.520 tỷ đồng (# chiếm 49% tổng tài sản).
- Tổng tài sản của Tập đoàn Sao Mai năm 2019 tăng so với năm 2018, nguyên nhân chính là do trong năm 2019 Tập đoàn đầu tư dự án điện mặt trời An Hảo (giai đoạn 1+2) 104MW tại An Hảo (An Giang) và dự án điện mặt trời Long An 50MW tại Đức Huệ (Long An)

2. Nợ phải trả:

- Nợ phải trả của Tập đoàn Sao Mai là 9.294 tỷ đồng, tăng 3.056 tỷ đồng, tăng gần 49% so với năm 2018. Trong đó, Nợ ngắn hạn chiếm 6.553 tỷ đồng (# 70% tổng nợ phải trả), Nợ dài hạn chỉ có 2.740 tỷ đồng (# 30% tổng nợ phải trả)
- Nợ phải trả tăng so với năm 2018 là do tăng, giảm của nhiều yếu tố, trong đó nguyên nhân chính cũng từ việc đầu tư hai dự án điện mặt trời.
- Một số chỉ tiêu liên quan đến nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu cơ cấu vốn	Năm 2018	Năm 2019
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,52	0,60
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,09	1,47

3. Hiệu quả sử dụng vốn:

Với mức lợi nhuận trên BCTC hợp nhất năm 2019 đạt 823 tỷ đồng, chỉ bằng 69% lần so với năm 2018. Chỉ số EPS 2.509 đồng/cổ phần, giảm 1.784 đồng/cổ phần so với năm 2018.

Đối với Công ty mẹ, tình hình kinh doanh phát triển ổn định, lợi nhuận sau thuế tăng đạt 374 tỷ đồng, tăng 47,8% so với năm 2018.

Năm 2019 Sao Mai đạt được những kết quả đáng chú ý như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Nhận xét 2019 so với 2018
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	5.737	6.302	Tăng 9,84%
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.419	2.589	Tăng 7%
3	Doanh thu	Tỷ đồng	8.887	14.224	Tăng 60,05%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.198	823	Giảm 31,27%
5	Lợi nhuận sau thuế/một cổ phần	đồng/cổ phần	4.293	2.509	Giảm 41,56%

III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Bộ máy hoạt động đã được cơ cấu lại theo hướng gọn nhẹ, linh hoạt và hiệu quả;
- Một số bộ phận thực hiện khoán lương theo sản phẩm bước đầu đã phát huy tác dụng. Ngoài ra, Sao Mai còn tăng cường chế độ khen thưởng cho CBCNV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Việc thực hiện phân quyền các bộ phận chuyên môn đã phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng đơn vị trong công việc góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Sao Mai cho rằng lĩnh vực bất động sản, thủy sản, du lịch vẫn là các ngành tiềm năng của vùng nên Công ty sẽ tập trung phát triển mạnh trong thời gian tới. Bên cạnh đó, một lĩnh vực mới Sao Mai đang hướng đến đó là Năng lượng mặt trời, được đánh giá là ngành trọng điểm và là “đòn bẩy” cho nền kinh tế của tỉnh trong tương lai.

IV.1. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG THỜI GIAN TỚI CỦA RIÊNG CÔNG TY SAO MAI NHƯ SAU:

1. *Bất động sản:*

Hiện nay, Sao Mai có hơn 20 dự án trong định hướng phát triển của Tập đoàn. Tuy nhiên, tùy từng dự án mà Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty xem xét lựa chọn phương án phù hợp như tạo quỹ đất trước hay triển khai nhanh dự án nhằm giúp dự án mạnh lại hiệu quả cao nhất. Kế hoạch trong năm 2020, một số dự án bất động sản sẽ được ưu tiên thực hiện trước như: Khu đô thị mới Sao Mai xã Minh Sơn, Huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa; Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa; Khu dân cư Sao Mai Tây Thị trấn Cái Dầu, Châu Phú, An Giang,...

Năm 2020, doanh thu kế hoạch bất động sản dự kiến khoảng 560 tỷ đồng.

2. *Thương mại thủy sản:*

Sao Mai đặt ra doanh thu trong năm 2020 cho lĩnh vực thủy sản là 3.420 tỷ đồng. Cụ thể:

- Về xuất khẩu: Đối với cá tra đông lạnh xuất khẩu, doanh thu kế hoạch khoảng 100 tỷ đồng, Sao Mai không mở rộng kinh doanh, chỉ giao dịch với những khách hàng truyền thống, có mua bán với Sao Mai trước đây. Phát triển theo hướng chuyên môn hóa tập trung, công ty IDI – công ty thành viên của Sao Mai sẽ phát triển mở rộng lĩnh vực chế biến và xuất khẩu cá tra fillet đông lạnh.
- Đối với sản xuất và thương mại thủy sản, kế hoạch doanh thu đặt ra là 3.320 tỷ đồng. Trong năm 2020 vùng nuôi cá tra liên kết với Tập đoàn vẫn duy trì 300ha, 80% sản lượng sản xuất của Nhà máy chế biến thức ăn được cung ứng cho vùng nuôi, phần còn lại bán cho khách hàng.
- Về đầu tư: Tiếp tục hỗ trợ Các công ty thành viên trong kinh doanh cũng như phát triển công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm từ khâu nguyên liệu, sản xuất đến tiêu thụ, tạo ra chuỗi sản xuất khép kín cho giá trị kinh tế cao.

3. *Xây dựng:*

- Trong năm 2020, công ty sẽ cơ cấu lại ngành nghề, do đó Sao Mai chỉ tập trung hoàn thành các công trình đang dở dang. Sao Mai sẽ không nhận tổng thầu cho các công ty trong Tập đoàn, các công trình của Công ty nào làm chủ đầu tư sẽ do công ty đó trực tiếp đàm phán xây dựng. Tập đoàn chỉ tập trung vào công tác kiểm tra, giám sát chất lượng công trình.
- Dựa trên các công trình dở dang dự kiến nghiệm thu trong năm 2020, Sao Mai dự kiến kế hoạch doanh thu cho lĩnh vực này là 110 tỷ đồng. Cụ thể 1 số công trình như Cải tạo nhà xưởng, kho Trisedco; Trụ sở Sao Mai Super Feed; Cải tạo Kho lạnh 3 của Công Ty Thủy Hải Sản Sạch; Khách sạn Bông Hồng của Công ty Du lịch Đồng Tháp; Hạ tầng Khu dân cư Cà Mau của Công ty Nhứt Hồng,...

4. *Ngành dịch vụ:*

- Về phía công ty mẹ: bên cạnh khai thác các dịch vụ sẵn có như Resort Sao Mai Bà Rịa Vũng Tàu, Khu cư xá Sao Mai và các văn phòng cho thuê,...Sao Mai tiếp tục hoàn thành các thủ tục đầu tư để sớm khởi công xây dựng dự án Khách sạn resort Thanh Hóa; Khách sạn Quốc tế Sao Mai 5 sao tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn quốc tế tại TP Sa đéc, Nhà hàng khách sạn Sao Mai tại Lấp Vò, ..
- Về các công ty con: Tập đoàn tái cấu trúc lại các Công ty CP Du lịch Đồng Tháp; Công ty CP Du lịch An Giang để khai thác tối đa tiềm năng của du lịch, xúc tiến nâng cấp, cải tạo các địa điểm du lịch như Đồi Túc Dụp, Rừng Tràm Trà Sư, khai thác thêm địa điểm du lịch mới như Khu du lịch điện mặt trời An Hảo,... đưa lĩnh vực du lịch trở thành một trong những lĩnh vực chính của Tập đoàn.

5. *Y tế:*

Công ty tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý dự án Bệnh viện quốc tế Sao Mai tại TP Long Xuyên, Bệnh viện Quốc tế Sao Mai Thanh Hóa để sớm khởi công xây dựng vì quỹ đất đã có sẵn.



Các Tập đoàn hàng đầu về y tế của Đức thông qua dự án Bệnh viện Quốc tế Sao Mai vào sáng ngày 4/9 tại Sao Mai Group

6. *Năng lượng mặt trời*

Công ty xác định điện năng lượng mặt trời (NLMT) là lĩnh vực chủ chốt mà công ty đang tập trung đầu tư. Hiện nay, ngoài 2 dự án điện mặt trời An Hảo 104Mwp (giai đoạn 1+2) và dự án điện mặt trời Long An 50Mwp đang khai thác, Tập đoàn tiếp tục đầu tư giai đoạn 3+4 dự án điện mặt trời An Hảo 106Mwp tại xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, ước tính chi phí đầu tư khoảng 1.700 tỷ đồng, dự kiến đấu nối điện ngày 10/10/2020. Ngoài ra công ty đang xin chủ trương để tiếp tục đầu tư dự án điện mặt trời ở một số khu vực có bức xạ năng lượng cao như Ba Tri Bến Tre, Bình Thuận, Đắk Lắk

Năm 2020, doanh thu lĩnh vực năng lượng mặt trời của 2 dự án trên dự kiến khoảng 580 tỷ đồng.

IV.2. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT CỦA SAO MAI NĂM 2020

Chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn sẽ dựa vào kế hoạch kinh doanh của Sao Mai và các công ty con. Cụ thể một số công ty con có cơ cấu doanh số lớn như:

+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI: Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất 2020 của IDI, IDI đặt ra chỉ tiêu doanh thu là 7.145 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 160 tỷ đồng. Chi tiết như sau:

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020		
	Công ty IDI	Từ công ty con của IDI (cty Trisedco)	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.145	2.000	7.145
Lợi nhuận sau thuế	120	40	160

+ Công ty CP Du lịch An Giang: sau khi được Sao Mai tái cấu trúc và định hướng phát triển, chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 của Công ty CP Du lịch An Giang khả quan hơn năm trước. Doanh thu kế hoạch đặt ra là 110 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 30 tỷ đồng.

+ Công ty CP Du lịch Đồng Tháp đặt doanh thu kế hoạch 2020 là 120 tỷ và lợi nhuận là 20 tỷ đồng.

+ Công ty CP Nhứt Hồng: dự kiến năm 2020 doanh thu bất động sản là 160 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 15 tỷ đồng

Từ những định hướng trên cộng với sự lạc quan về tình hình kinh tế năm 2020, Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất của Sao Mai năm 2020 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất		
	Thực hiện 2019	Kế hoạch KD 2020	%KH/TH
1. Doanh thu thuần	14.224	14.700	103,3%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	823	870	105,7%
3. Tỷ lệ chi trả cổ tức	10%	10% - 20%	

V. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào công tác điều hành, sản xuất nhằm bảo vệ môi trường tốt hơn.

Trong năm 2019, Sao Mai đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

2. Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động

Công ty đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động, đảm bảo được việc làm, tiền lương, chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ khác cho người lao động.

3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội, hỗ trợ các chương trình do địa phương phát động...



Đoàn báo chí Đức thị sát Nhà máy quang năng áp mái Sao Mai Solar ngày 8/11/2019

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN SAO MAI

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh:

Hội đồng quản trị đánh giá cao về kết quả kinh doanh năm 2019 của Sao Mai. Theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán thì Công ty đã đạt được những kết quả sau:

Chỉ tiêu	Năm 2019		
	Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	% TH so với KH
Doanh thu thuần	10.495	14.223	136%
Lợi nhuận sau thuế	1.244	817	66%

2. Tình hình đầu tư

- Trong năm 2019, Sao Mai đạt được những kết quả đáng ghi nhận đó là đầu tư thần tốc hai dự án điện mặt trời An Hảo và Long An để đấu nối thành công trước ngày 30/06/2019, được bán điện với giá 9,35cent/KW trong suốt 20 năm đã đánh dấu sự thành công của Tập đoàn. Đó là sự nỗ lực liên tục và cam kết cao của toàn thể lao động và Ban điều hành.
- Thành công của các dự án chính là nhờ đã Sao Mai luôn định hướng và lựa chọn đúng dự án đầu tư, phù hợp với mục tiêu phát triển của Tập đoàn. Với nguyên tắc không đầu tư dàn trải, tập trung vào các dự án có tính khả thi cao, thời gian thu hồi vốn ngắn nên các dự án Sao Mai đầu tư mang lại hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, song song với việc khai thác các dự án đã hoàn thành, Sao Mai tiếp tục hoàn thiện hạ tầng các dự án dở dang, tìm kiếm đầu tư dự án mới để tạo sản phẩm kinh doanh. Với hình thức đầu tư “cuốn chiếu” này được công ty áp dụng thành công, giúp công ty giảm bớt áp lực tài chính, góp phần tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

- Đầu tư phát triển lĩnh vực du lịch cũng nằm trong kế hoạch chiến lược và định hướng tương lai của Tập đoàn. Trong năm 2019, ngoài việc triển khai, hoàn thiện thủ tục pháp lý một số dự án Sao Mai làm chủ đầu tư như Khu Sao Mai Resort Thanh Hóa; Khách sạn quốc tế tại TP Sa đéc, dự án Resort Sao Mai Thanh Hóa..., Sao Mai cũng đã mạnh dạng triển khai đầu tư cho các công ty con như nâng cấp cải tạo Khu Rừng Tràm Trà Sư, nhà hàng, khách sạn, các Khu di tích... tạo tiền đề cho Du lịch An Giang và Du lịch Đồng Tháp phát triển bền vững.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình một cách cẩn trọng theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông. Qua giám sát, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Trong năm 2019, với mức doanh thu hơn 14.223 tỷ đồng, tăng hơn 60% so với 2018 và vượt chỉ tiêu doanh thu kế hoạch 36%, nhưng mức lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 66% so với kế hoạch đề ra. Mặc dù lợi nhuận không như mong đợi nhưng với kết quả kinh doanh này cũng đã thể hiện sự nỗ lực và bản lĩnh của Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành để cố gắng hoàn thành kế hoạch đầy thách thức.

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị tiếp tục xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, tăng cường giám sát và kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để đạt mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất năm 2020 là 14.700 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 870 tỷ đồng.
- Tiếp tục phối hợp với Ban điều hành tập trung đẩy mạnh công tác Marketing và bán hàng nhằm tiêu thụ các sản phẩm đã hoàn thành, tăng nhanh vòng quay và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho Tập đoàn.
- Tập trung đầu tư, nghiên cứu tìm kiếm, mở rộng đầu tư thêm nhiều dự án bất động sản mới, đồng thời định hướng đầu tư phát triển mạnh vào lĩnh vực khách sạn du lịch.
- Hội đồng quản trị sẽ tăng cường vai trò quản lý, giám sát, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong việc điều hành, sản xuất kinh doanh giúp Tập đoàn ngày càng phát triển.
- Tập trung tái cấu trúc các công ty trong hệ thống theo mô hình Tập đoàn để hoạt động hiệu quả hơn.
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức quản lý phù hợp với quy mô của Tập đoàn nhưng vẫn theo cơ chế tinh gọn, thông suốt và hiệu quả.
- Tiếp tục đưa cán bộ đi đào tạo trong và ngoài nước để nâng cao trình độ quản lý.
- Cải tiến phương thức quản lý tạo sự kết nối giữa các bộ phận theo hướng chuyên sâu nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và sửa đổi bổ sung các Quy chế quản trị công ty phù hợp với mô hình tổ chức.

E. QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Tập đoàn Sao Mai nhiệm kỳ 2019 – 2024 có 05 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Phó chủ tịch HĐQT và 03 thành viên HĐQT. Cụ thể:

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Sao Mai	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Lê Thị Nguyệt Thu	CT.HĐQT	5,33%
2	Lê Thanh Thuận	TV.HĐQT kiêm TGD	19,31%
3	Nguyễn Văn Hưng	PCT.HĐQT kiêm Phó TGD	0,23%
4	Nguyễn Văn Xe	TV.HĐQT (độc lập)	0,00%
5	Hoàng Thị Thanh	TV.HĐQT (độc lập)	0,00%



**1. Bà Lê Thị Nguyệt Thu - Chủ tịch HĐQT**

- Bà Lê Thị Nguyệt Thu được vào Hội đồng quản trị từ năm 2015 và trở thành Chủ tịch HĐQT từ năm từ tháng 4/2019 đến nay.
- Trước đây, bà Nguyệt Thu công tác tại Tập đoàn Sao Mai từ năm 2010, từng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phát triển dự án tại Tp. Hồ Chí Minh; Trợ lý Chủ tịch HĐQT; Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Sao Mai;
- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Sao Mai; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du Lịch An Giang; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp; Tổng Giám đốc Công ty CP Nhứt Hồng; Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Dừng Thịnh Phát.

2. Ông Nguyễn Văn Hưng - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc

- Đã trình bày ở phần Danh sách Ban Điều hành tại mục II. Tổ chức và nhân sự.

3. Ông Lê Thanh Thuận - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Đã trình bày ở phần Danh sách Ban Điều hành tại mục II. Tổ chức và nhân sự

4. Ông Nguyễn Văn Xe - Thành viên HĐQT độc lập

- Ông Nguyễn Văn Xe được bầu vào thành viên HĐQT từ tháng 04/2019
- Trước đây làm chuyên viên nghiên cứu tổng hợp Văn Phòng Tỉnh Ủy từ năm 1977
- Từ năm 2001-2002: Phó Văn Phòng Tỉnh Ủy
- Từ năm 2002-2005: Phó Bí Thư Đảng Ủy Liên Cơ Tỉnh An Giang
- Từ năm 2005-2007: Bí Thư Đảng Ủy Liên Cơ Tỉnh An Giang
- Từ năm 2007- tháng 04/2018: Bí Thư Đảng Ủy Dân Chính Đảng An Giang
- Từ năm 2005-2018: Tỉnh Ủy Viên, khoá VIII, IX, X

5. Bà Hoàng Thị Thanh - Thành viên HĐQT độc lập

- Bà Hoàng Thị Thanh được bầu làm thành viên HĐQT độc lập từ tháng 04/2019
- Trước đây bà Thanh kinh doanh tự do



2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, đã thực hiện đầy đủ và đúng đắn quyền và trách nhiệm của thành viên HĐQT theo các quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị công ty. Các quyết định đưa ra đều căn cứ vào sự đồng thuận của tất cả các thành viên.

Với tinh thần trách nhiệm và đoàn kết nhất trí trong nội bộ, Hội đồng quản trị đã tập trung giám sát, chủ động đưa ra các giải pháp kịp thời và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong điều hành sản xuất kinh doanh, khắc phục những khó khăn, cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019. Cụ thể:

- a. Về tổ chức: Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc đổi mới công tác quản trị điều hành, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, quy trình tuyển dụng nhân sự.... cho phù hợp với mô hình phát triển của Tập đoàn.
- b. Về quan hệ cổ đông: Hội đồng quản trị đã giám sát, chỉ đạo:
 - Thực hiện đầy đủ các quy định trong việc Tổ chức Đại Hội cổ đông thường niên 2019.
 - Thực hiện các thủ tục chia cổ tức và tăng vốn điều lệ sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
 - Thực hiện công bố thông tin kịp thời để nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, giúp cho cổ đông nắm rõ tình hình hoạt động cũng như đảm bảo quyền và lợi ích cho cổ đông. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã công bố:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số:0118/NQ.HĐQT-2019	18/01/2019	V/v Chia cổ tức năm 2017 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018
2	Số: 0221/QĐ.HĐQT-2019	21/02/2019	V/v triệu tập cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2019
3	Số: 01/2019/ASM	02/04/2019	V/v đầu tư vào Công ty CP Điện Mặt Trời EuroPlast Long An
4	Số: 17.09/NQ.HĐQT-2019	17/09/2019	V/v chia cổ tức đợt 2 năm 2018 và tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt
5	Số: 262/ASM-2019	16/10/2019	V/v miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc
6	Số: 18/2019/NQ-ASM	16/12/2019	V/v tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Super Feed

2.1 Trong công tác lãnh đạo, giám sát, chỉ đạo trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Trong năm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và không định kỳ để tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát diễn biến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức.
- Để thực hiện tốt vai trò quản trị, Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo định kỳ và báo cáo theo yêu cầu....từ đó chỉ đạo các biện pháp giải quyết nhanh chóng những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.
- Do Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc nên đã chỉ đạo, giám sát trực tiếp các bộ phận, trên cơ sở đó có những quyết định kịp thời, đúng đắn để giải quyết những khó khăn phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm soát. Đồng thời, trong từng trường hợp cần thiết, HĐQT thành lập Ban thanh tra để kiểm soát quá trình điều hành từ khâu sản xuất, kinh doanh đến bộ phận tài chính của các đơn vị trực thuộc.

2.2 Trong công tác giám sát tài chính kế toán:

- Hội đồng quản trị luôn chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thường xuyên củng cố, nâng cao công tác kế toán, đảm bảo thực hiện đúng chế độ tài chính hiện hành, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.
- HĐQT giám sát chặt chẽ quy chế quản trị tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ của Tập đoàn thông qua báo cáo thu chi hàng ngày, báo cáo tình hình nợ vay hàng tuần, báo cáo quản trị... giúp cho HĐQT quản lý tốt dòng tiền, kiểm soát chi phí hợp lý, hiệu quả. Bên cạnh đó, HĐQT cũng cập nhật kịp thời tình hình tài chính để đưa ra những chủ trương, phương hướng cho kế hoạch tương lai.

II. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm toán nội bộ:

- Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, thay mặt HĐQT tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Tập đoàn. Ban kiểm toán nội bộ gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do HĐQT bầu ra.
- Ban kiểm toán nội bộ của Sao Mai nhiệm kỳ 2019 – 2024 gồm:



1. Ông Nguyễn Gia Thuận - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Nguyễn Gia Thuận sinh năm 1978 tại Thốt Nốt, Cần Thơ. Tốt nghiệp Cử nhân tài chính, Cử nhân Quản trị kinh doanh.
- Năm 2002, ông làm Kế toán tổng hợp tại Sao Mai.
- Năm 2008: ông về làm Kế toán tổng hợp tại Công ty IDI.
- Năm 2009 đến nay: ông được bầu làm Kế toán trưởng Công ty Trisedco (DAT).

2. Ông Huỳnh Quốc Cường - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Cường sinh năm 1984, tại An Giang, tốt nghiệp Cử nhân kinh tế
- Từ năm 2011 đến nay, ông làm việc tại phòng kế toán Công Ty I.D.I

3. Ông Vũ Văn Thanh - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Thanh sinh năm 1990 tại Thanh Hóa. Tốt nghiệp Cử nhân kế toán
- Năm 2011 đến nay công tác tại Phòng kế toán Công ty Sao Mai.

2. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

Trong năm 2019 vừa qua, Ban kiểm toán đã tham gia nhiều hoạt động, cụ thể như sau:

- Kiểm tra góp ý các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.
- Tham dự những cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng như những vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển Công ty.
- Kiểm tra tiến độ thực hiện các nội dung của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019. Luôn bám sát kế hoạch và các giải pháp của Ban Giám đốc nhằm đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 được hoàn thành.
- Tổng kết đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019. Kiểm tra tính chất hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, tính trung thực và tuân thủ trong quản lý, điều hành của các bộ phận, phòng ban nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Kiểm tra các chứng từ, sổ sách kế toán, các báo cáo kinh doanh và báo cáo kiểm toán của Công ty năm 2019.
- Kiểm tra việc công bố thông tin định kỳ, thông tin tức thời đầy đủ, kịp thời theo quy định của UBCK nhà nước



III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2019, Công ty đã thực hiện chi trả Tổng thù lao Hội đồng quản trị năm 2019 là 704.000.000 đồng. Cụ thể:

Chức vụ	Từ T01 đến T04		Từ T05 đến T12		Tổng 12 tháng
	Số lượng thành viên	Thù lao	Số lượng thành viên	Thù lao	
Chủ tịch HĐQT	1	40.000.000	1	120.000.000	160.000.000
Thành viên HĐQT	8	192.000.000	2	112.000.000	304.000.000
TV độc lập HĐQT			2	240.000.000	240.000.000
TỔNG CỘNG	9	232.000.000	5	472.000.000	704.000.000

Đối với Ban Tổng giám đốc được nhận lương, thưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động của công ty.

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm cổ đông nội bộ có những giao dịch cổ phiếu như sau:

STT	Tổ chức người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/ Cổ đông lớn	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)	Số lượng tăng/giảm cổ phiếu
1	Lê Tuấn Anh	Con của Tổng Giám Đốc	Mua	20.000.000

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã được kiểm toán (khoản 03 mục VIII phần thuyết minh - trang 41-44)

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Tập đoàn Sao Mai:

Trong năm 2019 Sao Mai đã cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty đại chúng theo hướng dẫn tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ.

F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kiểm toán độc lập:

❖ **Đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

- Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM;
- Điện thoại: (84.8) 38205944 Fax: (84.8) 38205942;
- Website: aascs.com.vn.

❖ **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Sao Mai đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

(Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính năm 2019 hợp nhất đã kiểm toán được đính kèm ở phần sau của Báo cáo thường niên này).

Thành phố Long Xuyên, ngày 26 tháng 4 năm 2020

TM Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Lê Thị Nguyệt Thu

Nơi nhận:

- Quý cổ đông công ty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TPHCM (để b/c);
- Đăng Website công ty;
- Lưu VT, QH&Đ.



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 52

5011
ÔNG
NHIỆM
VỤ T
HÌNH K
KIỂM T
HIA N
T.P HỒ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLĐN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015; lần thứ 27 ngày 02/10/2015; lần thứ 28 ngày 27/10/2017; lần thứ 29 ngày 08/06/2018; lần thứ 30 ngày 26/04/2019 và lần thứ 31 ngày 04/05/2019.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 là: **2.588.678.490.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mạtit; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; Năng lượng mặt trời, Xuất khẩu lao động; ...

4. Cấu trúc Công ty

Thông tin về chi nhánh:

- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai
Số 9 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
Mã số chi nhánh : 1600169024-014
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai
Km 47 quốc lộ 51, thôn Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Mã số chi nhánh : 1600169024-012
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp
Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Mã số chi nhánh : 1600169024-017
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc Tế Sao Mai
Số 325/1 hẻm Hùng Vương, đường Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang
Mã số chi nhánh : 1600169024-019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Cà Mau
Đường số 17, Khu dân cư phía Đông QL1A - khu A, xã Lý Văn Lâm, Tp.Cà Mau
Mã số chi nhánh : 1600169024-022
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thanh Hoá
Khu Đô Thị Mới Sao Mai, QL 47, Xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá
Mã số chi nhánh : 1600169024-013

Thông tin về văn phòng đại diện:

- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc
Địa chỉ : Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
Mã số VPĐD : 1600169024-016
- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành Phố Cần Thơ
Tòa nhà VCCI, Tầng 4, số 12, Hòa Bình, Phường An Cư, Tp.Cần Thơ
Mã số VPĐD : 1600169024-020
- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hoà Bình
Địa chỉ : Số nhà 151, tổ 5A, phường Phương Lâm, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
Mã số VPĐD : 1600169024-018

Công ty con:

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
+ Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	66,00%	66,00%	33.000.000.000
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	84,72%	84,72%	57.391.109.800
+ Công ty CP Nhựt Hồng	60,00%	60,00%	167.991.740.000
+ Công ty CP ĐT Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	63,94%	63,94%	11.510.000.000
+ Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	100,00%	100,00%	15.638.450.000
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	100,00%	100,00%	400.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	51,23%	51,23%	997.398.163.912
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	72,71%	72,71%	161.209.410.000
+ Cty CP Điện Mặt Trời EUROPLAST Long	76,67%	76,67%	402.500.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	43,95%	82,67%	15.000.000.000
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	53,83%	91,95%	8.660.000.000

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Bà:	Lê Thị Nguyệt Thu	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2019)
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2019)
Ông:	Lê Thanh Thuận	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2019)
Bà:	Hoàng Thị Thanh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2019)
Ông:	Nguyễn Văn Xe	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2019)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuận	Tổng Giám đốc	
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông:	Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông:	Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông:	Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc	
Ông:	Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Bà:	Lê Thị Nguyệt Thu	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 16/10/2019)
Bà:	Lê Thị Phụng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông:	Trương Công Khánh	Giám Đốc Tài Chính	

Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Ông:	Nguyễn Gia Thuận	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2019)
Ông:	Huỳnh Quốc Cường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2019)
Ông:	Vũ Văn Thanh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2019)

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Thanh Thuận

Kế toán trưởng:

Ông: Trương Công Khánh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty.

Long Xuyên, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Số : 418/BCKT/TC/2020/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được lập ngày 02 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Kiểm toán viên

Đặng Tùng Hưng

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2018-142-1

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3611-2016-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.520.282.534.087	6.967.034.837.757
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	822.987.169.585	502.270.779.111
111	1. Tiền		576.278.663.175	360.402.423.111
112	2. Các khoản tương đương tiền		246.708.506.410	141.868.356.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	657.885.346.447	963.626.736.414
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		657.885.346.447	963.626.736.414
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.014.848.550.079	3.126.214.834.384
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.402.608.381.286	1.222.578.432.329
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.221.607.628.381	1.511.920.539.516
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.04	1.000.000.000	1.050.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.05	457.554.414.473	448.116.153.285
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(67.921.874.061)	(57.450.290.746)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.07	2.899.216.786.287	2.310.634.765.599
141	1. Hàng tồn kho		2.916.528.417.284	2.326.403.967.025
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(17.311.630.997)	(15.769.201.426)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		125.344.681.689	64.287.722.249
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	6.207.677.948	3.222.837.523
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		112.525.664.617	55.587.590.736
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		6.451.643.124	5.402.533.990
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		159.696.000	74.760.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.076.029.161.106	5.008.424.950.053
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		24.215.587.133	13.142.624.133
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		14.500.000	44.500.000
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.05	24.201.087.133	13.098.124.133
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		5.749.237.918.537	2.349.530.251.724
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	4.165.966.851.480	784.118.449.843
222	- Nguyên giá		4.669.191.736.536	1.129.710.798.709
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(503.224.885.056)	(345.592.348.866)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	295.716.528.810	302.500.369.361
225	- Nguyên giá		356.942.414.833	336.374.248.979
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(61.225.886.023)	(33.873.879.618)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	1.287.554.538.247	1.262.911.432.520
228	- Nguyên giá		1.331.632.511.148	1.286.681.594.124
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(44.077.972.901)	(23.770.161.604)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.12	241.130.567.239	240.639.275.722
231	- Nguyên giá		313.330.296.020	294.316.880.332
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(72.199.728.781)	(53.677.604.610)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.08	232.378.343.640	838.061.894.958
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		232.378.343.640	838.061.894.958
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	1.145.954.700.426	1.288.567.660.333
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(1.560.299.574)	(1.920.339.667)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.145.515.000.000	1.288.488.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		683.112.044.131	278.483.243.183
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	413.275.595.979	104.517.339.928
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		4.182.884.116	7.995.635.528
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.13	265.653.564.036	165.970.267.727
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.596.311.695.193	11.975.459.787.810

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
300	C . NỢ PHẢI TRẢ		9.294.439.281.421	6.238.067.031.590
310	I. Nợ ngắn hạn		6.553.945.695.900	5.114.065.375.349
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	1.387.412.856.438	680.417.639.464
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		313.882.115.348	716.616.730.344
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	61.508.495.897	132.366.251.798
314	4. Phải trả người lao động		47.708.504.774	46.720.924.229
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	19.076.242.654	14.937.713.745
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19	7.163.525.936	12.456.999.619
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	245.276.527.143	103.419.766.037
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14	4.446.435.062.613	3.383.371.344.852
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.477.277	6.344.500
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		25.479.887.820	23.751.660.761
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		2.740.493.585.521	1.124.001.656.241
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.14		
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19	11.385.882.076	2.056.976.051
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.18	2.220.000.000	1.404.509.219
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.14	2.726.284.256.626	1.119.849.357.658
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		603.446.819	690.813.313
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.20	6.301.872.413.772	5.737.392.756.220
410	I. Vốn chủ sở hữu		6.301.872.413.772	5.737.392.756.220
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.588.678.490.000	2.419.338.530.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.588.678.490.000	2.419.338.530.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.104.200.000	45.104.200.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		267.073.275.300	97.609.361.300
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		90.509.849.350	80.293.662.948
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		2.560.610.658	519.476.815
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.012.781.638	4.971.647.795
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.024.776.286.192	999.821.565.424
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		439.624.958.136	58.887.415.409
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		585.151.328.056	940.934.150.015
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.276.156.920.634	2.089.734.311.938
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.596.311.695.193	11.975.459.787.810

Long Xuyên, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

NGÔ THỊ TÓ NGÂN

TRƯƠNG CÔNG KHÁNH



LÊ THỊ PHƯỢNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	14.409.839.692.891	8.960.605.129.756
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	186.066.351.786	73.476.910.475
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.223.773.341.105	8.887.128.219.281
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	12.855.028.307.209	7.818.406.057.159
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.368.745.033.896	1.068.722.162.122
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	201.952.760.812	369.961.118.101
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	275.682.838.120	266.797.763.176
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		253.532.957.320	172.119.010.419
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			65.065.547.765
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06	261.812.433.412	194.250.397.523
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	226.964.665.248	191.801.701.086
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		806.237.857.928	850.898.966.203
31	11. Thu nhập khác	VI.07	90.897.495.085	476.643.723.765
32	12. Chi phí khác	VI.08	25.395.885.583	12.008.412.636
40	13. Lợi nhuận khác		65.501.609.502	464.635.311.129
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		871.739.467.430	1.315.534.277.332
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	43.991.472.933	113.796.822.751
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.11	4.400.487.945	3.861.782.021
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		823.347.506.552	1.197.875.672.560
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		636.924.897.856	1.038.543.511.315
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		186.422.608.696	159.332.161.245
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	2.509	4.293
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	2.509	4.293

Long Xuyên, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGÔ THỊ TỐ NGÂN



TRƯƠNG CÔNG KHÁNH

Thay mặt Ban Tổng giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



LÊ THỊ PHƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		871.739.467.430	1.315.534.277.332
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		213.115.015.078	36.323.955.318
03	- Các khoản dự phòng		16.280.029.045	2.406.258.064
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.380.399.985	6.309.296.493
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(105.744.109.097)	(250.162.928.294)
06	- Chi phí lãi vay		253.532.957.320	172.119.010.419
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.252.303.759.761	1.282.529.869.332
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		692.681.630.665	(247.271.198.482)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(583.807.617.160)	(496.307.251.280)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		104.281.744.277	204.120.384.949
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(311.735.275.344)	(43.316.574.875)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			1.886.862.388
14	- Tiền lãi vay đã trả		(342.121.216.167)	(221.242.743.466)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(48.841.640.042)	(65.277.708.330)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		762.761.385.990	415.121.640.236
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.945.067.188.394)	(129.650.543.858)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		8.883.124.264	46.737.195.833
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.338.063.246.447)	(804.796.749.784)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.717.027.636.414	562.006.474.112
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(402.500.000.000)	(327.449.703.912)
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			335.073.000.000
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		165.519.082.781	130.673.004.035
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.794.200.591.382)	(187.407.323.574)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
31	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000	2.981.222.500
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		15.666.268.163.421	9.231.522.360.821
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(12.964.881.649.235)	(9.040.191.592.993)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(51.715.132.990)	(96.515.320.034)
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(297.112.701.995)	(90.288.088.755)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.352.608.679.201	7.508.581.539
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		321.169.473.809	235.222.898.201
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		502.270.779.111	253.200.049.001
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(453.083.335)	13.847.831.909
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		822.987.169.585	502.270.779.111

Long Xuyên, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGÔ THỊ TÔ NGÂN



TRƯƠNG CÔNG KHÁNH



Thay mặt Ban Tổng giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

LÊ THỊ PHƯỢNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015; lần thứ 27 ngày 02/10/2015; lần thứ 28 ngày 27/10/2017; lần thứ 29 ngày 08/06/2018; lần thứ 30 ngày 26/04/2019 và lần thứ 31 ngày 04/05/2019.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 là: **2.588.678.490.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mịn; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; Năng lượng mặt trời, Xuất khẩu lao động; ...

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con:

- Tổng số các Công ty con 11
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất 11
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất : 0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
+ Công ty TNHH Dững Thịnh Phát	09 Nguyễn Kim, P12, Q5, TP.HCM	66,00%	66,00%	66,00%	66,00%
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Số 06, Đốc Binh Kiều, Phường 2, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	84,72%	81,36%	84,72%	81,36%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
+ Công ty CP Nhựt Hồng	Toàn nhà VCCI, tầng 4, số 12 Hoà Bình, P.An Cư, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang	63,94%	63,94%	63,94%	63,94%
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Số 17 Nguyễn Văn Cung, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang	72,71%	72,71%	72,71%	72,71%
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	QL 80, Cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia	QL80 CCN Vàm Cống, Lấp Vò, Đồng Tháp	51,23%	51,23%	51,23%	51,23%
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	QL80 CCN Vàm Cống, Lấp Vò, Đồng Tháp	43,95%	43,95%	82,67%	82,67%
+ Cty CP Điện Mặt Trời EUROPLAST Long An	Khu D, Xã Mỹ Thạnh Bắc, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An	76,67%		76,67%	
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang	53,83%	53,83%	91,95%	91,95%

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	Số 9 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai	Km 47 quốc lộ 51, thôn Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp	Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Cà Mau	Đường số 17, Khu dân cư phía Đông QL1A - khu A, xã Lý Văn Lâm, Tp.Cà Mau
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc tế Sao Mai	Số 325/1 Hùng Vương, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai
tại Thanh Hoá

Khu Đô Thị Mới Sao Mai, QL 47, Xã Thọ Dân,
huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá

+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn
Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc

Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, xã Mỹ
Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn
Sao Mai tại Thành phố Hoà Bình

Số nhà 151, tổ 5A, phường Phương Lâm, thành phố
Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào Công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của Công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát Công ty con và chấm dứt vào ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là Công ty con và cũng không trở thành Công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát Công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào Công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại Công ty con và giá trị phần tài sản thuần của Công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào Công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của Công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của Công ty con tại thời điểm trước và sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành Công ty mẹ, công ty liên kết trở thành Công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các Công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của Công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu Công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của Công ty con, kế toán ghi giảm giá trị sổ cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi Công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	8.742.320.204	29.370.970.147
Tiền gửi không kỳ hạn	567.536.342.971	331.031.452.964
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	246.708.506.410	141.868.356.000
- Tiền gửi có kỳ hạn		
Cộng	822.987.169.585	502.270.779.111

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

b1) Ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

b2) Dài hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

Cộng

c) Đầu tư vào đơn vị khác

+ Công ty CP Bóng Đá Đồng Tháp (*)

Cộng

31/12/2019

Giá gốc	Giá trị ghi sổ
657.885.346.447	657.885.346.447
657.885.346.447	657.885.346.447
1.145.515.000.000	1.145.515.000.000
1.145.515.000.000	1.145.515.000.000
1.803.400.346.447	1.803.400.346.447

01/01/2019

Giá gốc	Giá trị ghi sổ
963.626.736.414	963.626.736.414
963.626.736.414	963.626.736.414
1.288.488.000.000	1.288.488.000.000
1.288.488.000.000	1.288.488.000.000
2.252.114.736.414	2.252.114.736.414

31/12/2019

Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
2.000.000.000		(1.560.299.574)
2.000.000.000		(1.560.299.574)
2.000.000.000		(1.560.299.574)

01/01/2019

Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
2.000.000.000		(1.920.339.667)
2.000.000.000		(1.920.339.667)
2.000.000.000		(1.920.339.667)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a) Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư tài chính	1.402.608.381.286	1.222.578.432.329
+ Cty CP Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch	79.120.839.160	1.308.736.000
+ Công ty CP SATRA Thái Sơn	6.974.620.468	6.974.620.468
+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu	56.807.155.831	66.312.657.489
+ LLC"MEKONG FOOD"		25.430.529.440
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	262.045.812.242	204.021.411.133
+ Hợp Tác Xã Nuôi Trồng Thủy Sản - Chợ Mới	12.365.051.796	
+ Khách hàng khác	985.294.901.789	918.530.477.799

b) Dài hạn

Cộng

1.402.608.381.286 1.222.578.432.329

04 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

a) Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
+ Phan Văn A (*)	1.000.000.000	1.050.000.000

b) Dài hạn

Cộng

1.000.000.000 1.050.000.000

05 . PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ phần hóa	457.554.414.473		448.116.153.285	(528.000.000)
Tạm ứng	189.931.620.605		217.442.844.052	
Phải thu người lao động			2.785.979.634	
Ký cược, ký quỹ	7.318.000.000		1.568.000.000	
Các khoản chi hộ	(1.000.000.000)			
Phải thu khác	261.304.793.868		226.319.329.599	(528.000.000)

b) Dài hạn

Tạm ứng	24.201.087.133		13.098.124.133	
Ký cược, ký quỹ	16.118.260.133		10.963.997.133	
Phải thu khác	8.082.827.000		2.134.127.000	

Cộng

481.755.501.606 461.214.277.418 (528.000.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

06 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ LLC "Sata Fish Ltd"	10.185.126.750		9.573.576.750	
+ Alfredo Foods	9.254.821.599		9.174.752.199	
+ Alliance Seafood Group	9.289.716.248		9.209.344.952	
+ Lapson International Trading Ltd	7.023.674.404		6.962.908.090	
+ Sarl Globe Alliance	7.246.670.926		7.183.975.326	
+ Tian Ye Aquatic Products Co. Ltd	6.685.438.712		6.627.598.691	1.988.279.607
+ Cty TNHH cơ điện tử Quang Huy BK	2.900.000.000			
+ Cty CP SATRA Thái Sơn	6.974.620.468			
+ Đối tượng khác	8.361.804.954		14.926.229.952	4.219.815.607
Cộng	67.921.874.061		63.658.385.960	6.208.095.214

2. Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu: không có

07 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	153.041.653.635		111.662.719.805	
- Công cụ, dụng cụ	3.662.645.859		3.071.383.416	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	278.282.807.942		311.864.345.807	
- Thành phẩm	1.289.253.126.790	(1.756.630.997)	571.705.092.553	(15.769.201.426)
- Hàng hóa	1.042.305.179.056	(15.555.000.000)	1.031.965.120.970	
- Hàng gửi đi bán	30.640.108.309		25.163.142.869	
- Hàng hóa bất động sản	119.342.895.693		270.972.161.605	
Cộng	2.916.528.417.284	(17.311.630.997)	2.326.403.967.025	(15.769.201.426)

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 1.539.629.547.623 đồng.
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: giá gốc của thành phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

08 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

Mua sắm

Xây dựng cơ bản

- Đường GTGT BK3

- Khu dân cư Hoà Bình

- Khu văn phòng và nhà ở cao tầng - HCM

- Khu Đô Thị Mỹ Tho

- Khu Dân cư Cà Mau

- Nhà máy thức ăn chăn nuôi - Super feed Đồng Tháp

- Nhà máy điện năng lượng mặt trời - Tịnh Biên

- Nhà máy điện năng lượng mặt trời - Tịnh Biên An Giang (giai đoạn 2)

- Công trình khác

Cộng

	31/12/2019	01/01/2019
	232.378.343.640	838.061.894.958
- Đường GTGT BK3	1.147.923.083	1.147.923.083
- Khu dân cư Hoà Bình	1.653.591.160	1.653.591.160
- Khu văn phòng và nhà ở cao tầng - HCM	47.380.200.000	47.380.200.000
- Khu Đô Thị Mỹ Tho	882.034.099	882.034.099
- Khu Dân cư Cà Mau	15.960.163.500	171.318.500
- Nhà máy thức ăn chăn nuôi - Super feed Đồng Tháp		685.580.000.000
- Nhà máy điện năng lượng mặt trời - Tịnh Biên		67.387.648.500
- Nhà máy điện năng lượng mặt trời - Tịnh Biên An Giang (giai đoạn 2)	68.026.492.331	
- Công trình khác	97.327.939.467	33.859.179.616
Cộng	232.378.343.640	838.061.894.958

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	511.071.051.011	509.011.260.827	51.088.647.897	7.414.983.569	51.124.855.405	1.129.710.798.709
2. Số tăng trong kỳ	639.533.055.095	2.902.762.694.462	19.492.243.572	24.300.923.836	10.107.888.574	3.596.196.805.539
- Mua trong kỳ	356.492.360.910	1.073.637.204.117	19.023.330.574	24.300.923.836	9.390.738.574	1.482.844.558.011
- Đầu tư XDCB hoàn thành	278.532.058.146	1.817.315.490.345			701.790.000	2.096.549.338.491
- Tăng khác	4.508.636.039	11.810.000.000	468.912.998		15.360.000	16.802.909.037
3. Số giảm trong kỳ	18.650.090.908	37.657.246.804	408.530.000			56.715.867.712
- Chuyển sang BĐS đầu tư						15.200.552.480
- Thanh lý, nhượng bán		14.792.022.480	408.530.000			41.515.315.232
- Giảm khác	18.650.090.908	22.865.224.324				
4. Số dư cuối kỳ	1.131.954.015.198	3.374.116.708.485	70.172.361.469	31.715.907.405	61.232.743.979	4.669.191.736.536
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	96.082.171.306	212.733.762.748	26.178.260.207	3.299.992.549	7.298.162.056	345.592.348.866
2. Khấu hao trong kỳ	34.126.310.497	121.590.468.638	9.123.305.666	2.918.547.634	4.330.267.978	172.088.900.413
- Khấu hao trong kỳ	34.126.310.497	121.590.468.638	9.123.305.666	2.918.547.634	1.231.229.414	168.989.861.849
- Tăng khác					3.099.038.564	3.099.038.564
3. Giảm trong kỳ	1.969.356.069	12.375.915.393	111.092.761			14.456.364.223
- Chuyển sang BĐS đầu tư						111.092.761
- Thanh lý, nhượng bán						14.345.271.462
- Giảm khác	1.969.356.069	12.375.915.393				
4. Số dư cuối kỳ	128.239.125.734	321.948.315.993	35.190.473.112	6.218.540.183	11.628.430.034	503.224.885.056
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	414.988.879.705	296.277.498.079	24.910.387.690	4.114.991.020	43.826.693.349	784.118.449.843
2. Tại ngày cuối kỳ	1.003.714.889.464	3.052.168.392.492	34.981.888.357	25.497.367.222	49.604.313.945	4.165.966.851.480

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 1.944.303.853.425 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 48.854.589.570 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	TSCĐ vô hình	Cộng
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu kỳ		330.387.945.981	5.986.302.998				336.374.248.979
2. Số tăng trong kỳ	20.471.523.035	13.858.761.852					34.330.284.887
- Thuê tài chính trong kỳ		13.858.761.852					13.858.761.852
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác	20.471.523.035						20.471.523.035
3. Số giảm trong kỳ		13.293.206.035	468.912.998				13.762.119.033
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác		13.293.206.035	468.912.998				13.762.119.033
4. Số dư cuối kỳ	20.471.523.035	330.953.501.798	5.517.390.000				356.942.414.833
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu kỳ		30.779.193.700	3.094.685.918				33.873.879.618
2. Khấu hao trong kỳ	3.294.667.105	23.103.274.578	2.391.825.914				28.789.767.597
- Khấu hao trong kỳ		23.103.274.578	2.391.825.914				25.495.100.492
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác	3.294.667.105						3.294.667.105
3. Giảm trong kỳ		1.131.665.185	306.096.007				1.437.761.192
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác		1.131.665.185	306.096.007				1.437.761.192
4. Số dư cuối kỳ	3.294.667.105	52.750.803.093	5.180.415.825				61.225.886.023
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu kỳ		299.608.752.281	2.891.617.080				302.500.369.361
2. Tại ngày cuối kỳ	17.176.855.930	278.202.698.705	336.974.175				295.716.528.810

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ: 15.143.576.777 VND

- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VỐ HÌNH

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH						Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	1.285.681.354.124			939.000.000	61.240.000	1.286.681.594.124
2. Số tăng trong kỳ	44.715.917.024			235.000.000		44.950.917.024
- Mua trong kỳ	44.715.917.024			235.000.000		44.950.917.024
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tặng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối kỳ	1.330.397.271.148			1.174.000.000	61.240.000	1.331.632.511.148
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	23.238.182.412			518.030.077	13.949.115	23.770.161.604
2. Khấu hao trong kỳ	20.091.300.897			204.262.396	12.248.004	20.307.811.297
- Khấu hao trong kỳ	3.088.838.016			204.262.396	12.248.004	3.305.348.416
- Tặng khác	17.002.462.881					17.002.462.881
3. Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối kỳ	43.329.483.309			722.292.473	26.197.119	44.077.972.901
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	1.262.443.171.712			420.969.923	47.290.885	1.262.911.432.520
2. Tại ngày cuối kỳ	1.287.067.787.839			451.707.527	35.042.881	1.287.554.538.247

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

12 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a) BĐS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	294.316.880.332	30.270.381.596	11.256.965.908	313.330.296.020
- Quyền sử dụng đất	65.240.590.451			65.240.590.451
- Nhà	229.076.289.881	30.270.381.596	11.256.965.908	248.089.705.569
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	53.677.604.610	22.257.543.191	3.735.419.020	72.199.728.781
- Quyền sử dụng đất	1.566.253.170	392.211.852		1.958.465.022
- Nhà	52.111.351.440	21.865.331.339	3.735.419.020	70.241.263.759
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	240.639.275.722			241.130.567.239
- Quyền sử dụng đất	63.674.337.281			63.282.125.429
- Nhà	176.964.938.441			177.848.441.810
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
b) BĐS đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Tồn thất do suy giảm giá trị				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 186.035.842.743 VND				
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND				



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	6.207.677.948	3.222.837.523
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.633.331.681	2.693.882.276
Các khoản khác	2.574.346.267	528.955.247
b) Dài hạn	413.275.595.979	104.517.339.928
Tiền thuê đất Sa Đéc	52.606.426.178	53.717.829.554
Tiền thuê đất nhà máy năng lượng mặt trời Tịnh Biên	287.451.373.020	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	40.995.149.296	22.565.150.529
Các khoản khác	32.222.647.485	28.234.359.845
d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.182.884.116	7.995.635.528
Thuế thu nhập hoãn lại	4.182.884.116	7.995.635.528
c) Lợi thế thương mại	265.653.564.036	165.970.267.727
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	265.653.564.036	165.970.267.727
Cộng	689.319.722.079	281.706.080.706

Ghi chú (*): Giá trị còn lại cuối kỳ của chi phí trả trước dài hạn dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 340.057.799.198 VND

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2019	Trong năm	01/01/2019
	Giá trị	Tăng	Giảm
a) Vay ngắn hạn	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND	3.122.574.555.172	9.875.280.795.228	9.407.950.514.577
Vay ngắn hạn - USD	1.276.286.279.724	3.419.403.566.982	2.827.080.355.887
Cộng	4.398.860.834.896	13.294.684.362.210	12.235.030.870.464



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang.

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

b) Vay dài hạn	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	1.020.490.280.004	1.020.490.280.004	713.608.651.590	530.974.739.659	837.856.368.073	837.856.368.073
- VND	1.020.490.280.004	1.020.490.280.004	713.608.651.590	530.974.739.659	837.856.368.073	837.856.368.073
- USD						
Trên 5 năm	1.604.594.718.673	1.604.594.718.673	1.616.594.718.673	12.000.000.000		
Cộng	2.625.084.998.677	2.625.084.998.677	2.330.203.370.263	542.974.739.659	837.856.368.073	837.856.368.073

c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Năm 2019		Năm 2018	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
Từ 1 năm trở xuống	52.662.338.294	12.781.541.579	39.880.796.715	849.840.212
Trên 1 năm đến 5 năm	14.783.953.993	2.949.617.718	11.834.336.275	16.325.302.205
Trên 5 năm	67.446.292.287	15.731.159.297	51.715.132.990	17.175.142.417
Cộng			113.690.462.451	96.515.320.034

d) Giá trị nợ thuế tài chính

Ngắn hạn	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Gốc nợ thuế tài chính	47.574.227.717	47.574.227.717	44.164.001.702	44.164.001.702
Lãi thuế tài chính phải trả	47.574.227.717	47.574.227.717	44.164.001.702	44.164.001.702
Dài hạn	101.199.257.949	101.199.257.949	131.992.989.585	131.992.989.585
Gốc nợ thuế tài chính	101.199.257.949	101.199.257.949	131.992.989.585	131.992.989.585
Lãi thuế tài chính phải trả				
Cộng	148.773.485.666	148.773.485.666	176.156.991.287	176.156.991.287

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- đ) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán: không có
e) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: không có
d) Trái phiếu thường

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
+ Ngắn hạn						
+ Dài hạn				150.000.000.000		
Loại phát hành theo mệnh giá			36 tháng	150.000.000.000	10,4%/năm	36 tháng
Cộng				150.000.000.000		

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngắn hạn	1.387.412.856.438	1.387.412.856.438		680.417.639.464	680.417.639.464	
+ Công ty TNHH MTV Chế Biến Bột Cá Kim Sơn	29.355.856.400	29.355.856.400				
+ Công ty TNHH TM Xuất Nhập Khẩu Khai Anh - Bình Thuận	41.394.107.452	41.394.107.452				
+ Công ty Cổ phần Hum	39.581.174.733	39.581.174.733				
+ Công ty TNHH TM DV Sông Hậu	21.370.732.445	21.370.732.445				
+ Công ty Andritz Feed & Biofuel A/S						
+ Công ty TNHH Trường Thắng	2.362.998.100	2.362.998.100				
+ Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Số 10 IDICO	311.963.352	311.963.352				
+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định Và Đầu Tư Toàn Cầu	44.648.605.297	44.648.605.297				
+ Công ty TNHH Jiangsu Muayang Holdings						
+ Công ty STERLING AND WILSON PRIVATE LIMITED	81.881.738.726	81.881.738.726				
+ Công ty TNHH MTV Toàn Cầu						
+ Công ty CP Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch	105.277.242.815	105.277.242.815		73.265.162.860	73.265.162.860	
+ Công ty TNHH JIANGSU MUYANG HOLDINGS				38.941.210.000	38.941.210.000	
+ Công ty TNHH MTV Mỹ Kiều	19.450.062.720	19.450.062.720				
+ Công ty TNHH Minh Thắng Sa Đéc	33.352.800.000	33.352.800.000				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

+ Công Ty PowerChiNa Zhongnan Engineering	464.905.485.418	464.905.485.418	
+ Desmet Ballestra (SEA) pte. Ltd			
+ Cty Sinohydro	12.258.373.444	12.258.373.444	
+ Lâm Đệ (Quyền sử dụng đất Q8. TP.HCM)	65.000.000.000	65.000.000.000	
+ Đối tượng khác	426.261.715.536	426.261.715.536	568.211.266.604
			568.211.266.604
b) Dài hạn			
+ Phải trả cho các đối tượng khác			
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có			
	1.387.412.856.438	1.387.412.856.438	680.417.639.464
			680.417.639.464

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

01/01/2019		31/12/2019	
Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm
Thuế giá trị gia tăng	15.457.783.457	31.911.134.062	46.242.389.946
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		193.051.787.663	193.051.787.663
Thuế tiêu thụ đặc biệt	217.419	1.173.701	1.391.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	373.353.321	43.991.472.933	164.086.931.883
Thuế thu nhập cá nhân	4.608.226.261	8.956.143.487	11.382.243.709
Thuế nhà đất và tiền thuế đất		1.610.105.990	1.610.105.990
Các khoản phí, lệ phí, thuế khác	420.954.408	3.828.791.932	3.840.352.737
Cộng	5.402.533.990	283.350.609.768	420.215.203.048

Ghi chú: (*) Chi phí thuế TNDN thực nộp trong kỳ bao gồm: chuyển khoản 13.370.168.0188 đồng và nộp bằng cán trừ tiền hoàn thuế GTGT trong kỳ với số tiền là 25.375.692.088 đồng theo QĐ 4484/QĐ-CT ngày 15/08/2019.

Thuế GTGT thực nộp trong kỳ bao gồm: nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản 14.966.776.291 đồng và nộp bằng cán trừ tiền hoàn thuế GTGT trong kỳ số tiền là 4.929.124.478 đồng theo QĐ 4484/QĐ-CT ngày 15/08/2019 & QĐ 5301/QĐ-CT ngày 24/09/2019.

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	19.076.242.654	14.937.713.745
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa	17.500.108.054	14.930.935.745
Các khoản khác	1.576.134.600	6.778.000
b) Dài hạn		
Cộng	19.076.242.654	14.937.713.745

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	245.276.527.143	103.419.766.037
Tài sản thừa chờ giải quyết		5.143.773
Kinh phí công đoàn	2.304.287.102	1.666.132.985
Bảo hiểm xã hội	9.646.446	547.428.099
Bảo hiểm y tế	1.045.315	48.046.327
Bảo hiểm thất nghiệp	1.415.375	11.562.680
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.401.117.500	9.940.117.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.024.359.000	1.667.031.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	232.534.656.405	89.534.303.673
Võ Đức Thảo	2.998.268.997	3.004.778.834
Các khoản phải trả, phải nộp khác	229.386.387.408	72.007.313.066
b) Dài hạn	2.220.000.000	1.404.509.219
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.220.000.000	800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác		604.509.219
Cộng	247.496.527.143	104.824.275.256

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	7.163.525.936	12.456.999.619
Doanh thu nhận trước		
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	7.163.525.936	12.456.999.619
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác		
b) Dài hạn	11.385.882.076	2.056.976.051
Doanh thu nhận trước		
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	11.385.882.076	2.056.976.051
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác		
Cộng	18.549.408.012	14.513.975.670

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

20 . 1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	2.419.338.530.000	45.104.200.000			71.328.360.803	240.370.092.834	65.363.642.380	2.841.504.826.017
Tăng vốn trong kỳ trước								
Lợi ích cổ đông không kiểm soát								
Lãi trong kỳ trước							68.613.028.700	68.613.028.700
Tăng khác			97.609.361.300		519.476.815	1.038.543.511.315	159.332.161.245	1.197.875.672.560
Trích quỹ từ lợi nhuận					13.936.949.940	(17.421.187.425)	1.796.425.479.613	1.894.554.317.728
Chia cổ tức						(261.046.851.300)		(3.484.237.485)
Giảm khác						(624.000.000)		(261.046.851.300)
Số dư đầu kỳ này	2.419.338.530.000	45.104.200.000	97.609.361.300		85.784.787.558	999.821.565.424	2.089.734.311.938	5.737.392.756.220
Tăng vốn trong kỳ này	169.339.960.000							169.339.960.000
Lãi trong kỳ này							186.422.608.696	823.347.506.552
Tăng do trích từ lợi nhuận					14.298.454.088	636.924.897.856		14.298.454.088
Tăng khác			169.463.914.000					169.463.914.000
Trích quỹ từ lợi nhuận						(14.298.454.088)		(14.298.454.088)
Chia cổ tức						(428.207.809.000)		(428.207.809.000)
Giảm khác						(169.463.914.000)		(169.463.914.000)
Số dư cuối kỳ này	2.588.678.490.000	45.104.200.000	267.073.275.300		100.083.241.646	1.024.776.286.192	2.276.156.920.634	6.301.872.413.772

Ghi chú: Trong năm, Công ty tăng vốn từ việc phát hành 16.933.996 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 cho cổ đông hiện hữu theo Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2018 ngày 26/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Nghị Quyết số 0118/NQ-ĐHQT/2019 ngày 18/01/2019; Nghị Quyết số 0215/NQ-ĐHQT/2019 ngày 15/02/2019 và đã niêm yết theo quyết định số 120/QĐ-SGDHCM ngày 17/04/2019 của Sở GDCK HCM; Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 và đợt 1 năm 2019 theo Nghị Quyết số 1709/NQ-HĐQT-2019 ngày 17/09/2019.

(*) Xem thuyết minh V.18.5: Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

20 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2019	%	01/01/2019	%
Vốn góp của công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác	2.588.678.490.000	100,00%	2.419.338.530.000	100,00%
Cộng	2.588.678.490.000	100,00%	2.419.338.530.000	100,00%

20 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	2.419.338.530.000	2.419.338.530.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	169.339.960.000	
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	2.588.678.490.000	2.419.338.530.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	428.207.809.000	261.046.851.300

20 . 4. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	258.867.849	241.933.853
- Cổ phiếu phổ thông	258.867.849	241.933.853
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	258.867.849	241.933.853
- Cổ phiếu phổ thông	258.867.849	241.933.853
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

20 . 5. Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

20 . 5. Các quỹ của Công ty

	31/12/2019	01/01/2019
Quỹ đầu tư phát triển	90.509.849.350	80.293.662.948
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	2.560.610.658	519.476.815
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.012.781.638	4.971.647.795

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2019	01/01/2019
- Dollar Mỹ (USD)	1.305.426,37	2.833.053,07
- Bảng Anh (EUR)	4.969,75	42.020,04
- Đô la Hồng Kông (HKD)	14.860,00	14.860,00
- Nhân dân tệ (CNY)	7.788,60	19.175,00
- Yên Nhật (JPY)	1.567.664,00	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu cá xuất khẩu	3.501.140.058.938	2.949.745.611.368
Doanh thu bất động sản	793.840.447.052	445.559.512.422
Doanh thu cung cấp dịch vụ	253.079.986.156	191.717.692.660
Doanh thu xây dựng	138.538.314.009	80.644.044.449
Doanh thu thương mại	2.876.236.034.479	1.542.162.877.812
Doanh thu thức ăn cá	6.618.127.065.460	3.746.945.377.203
Doanh thu điện năng lượng mặt trời	226.916.585.047	
Doanh thu khác	1.961.201.750	3.830.013.842
Cộng	14.409.839.692.891	8.960.605.129.756

02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
Chiết khấu thương mại	1.774.330.000	
Giảm giá hàng bán	264.718.367	429.646.058
Hàng bán bị trả lại	184.027.303.419	73.047.264.417
Cộng	186.066.351.786	73.476.910.475

03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn cá xuất khẩu	2.964.067.152.515	2.339.986.120.049
Giá vốn của bất động sản	468.062.311.566	281.404.033.594
Giá cung cấp dịch vụ	164.708.963.219	123.807.182.025
Giá vốn xây dựng	132.337.327.997	43.510.549.086
Giá vốn thương mại	2.749.925.964.743	1.450.704.940.151
Giá vốn thức ăn cá	6.321.127.889.125	3.554.588.115.100
Giá vốn điện năng lượng mặt trời	51.308.724.323	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.535.220.999	7.768.405.308
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.992.791.428)	
Giá vốn khác	1.947.544.150	16.636.711.846
Cộng	12.855.028.307.209	7.818.406.057.159

04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	84.699.875.513	137.931.118.133
Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ		62.324.142.482
Lãi bán các khoản đầu tư		78.597.910.340
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá	21.328.388.309	13.847.831.909
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	89.499.194.990	75.390.605.951
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.425.302.000	1.869.509.286
Cộng	201.952.760.812	369.961.118.101

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền vay	253.532.957.320	172.119.010.419
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.536.652.000	79.212.552.769
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính		351.562.388
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.412.439.541	20.157.128.402
Hoàn nhập dự phòng	(784.045.478)	(9.458.145.626)
Chi phí tài chính khác	1.984.834.737	4.415.654.824
Cộng	275.682.838.120	266.797.763.176

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

06 . 1. Chi phí bán hàng

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên, vật liệu	131.766.760	13.846.112
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.767.539.057	3.776.309.448
Chi phí nhân viên	53.038.042.356	45.797.765.596
Chi phí khấu hao	2.642.679.090	1.580.360.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.913.714.313	44.683.408.982
Chi phí vận chuyển hàng hoá	72.782.367.896	42.410.271.966
Thuế, phí, lệ phí	677.435.147	
Các khoản chi phí QLDN khác	83.858.888.793	55.988.435.090
Cộng	261.812.433.412	194.250.397.523

06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên, vật liệu	2.545.989	2.883.142
Chi phí nhân viên	85.843.020.461	62.397.779.221
Chi phí công cụ, dụng cụ	16.037.315.381	13.008.997.205
Chi phí khấu hao	13.389.740.998	7.973.121.395
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.471.583.315	4.095.998.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.240.115.578	16.958.946.397
Thuế, phí, lệ phí	800.556.787	365.224.572
Các khoản chi phí QLDN khác	76.179.786.739	86.998.750.772
Cộng	226.964.665.248	191.801.701.086

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	618.692.728	42.568.063.710
Lãi từ việc đánh lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con - Công ty IDI		429.609.176.734
Tiền phạt thu được	557.573.881	2.773.871.550
Khoản tiền phạt hợp đồng tổng thầu EPC (*)	79.661.873.644	
Các khoản khác	10.059.354.832	1.692.611.771
Cộng	90.897.495.085	476.643.723.765

Ghi chú (*): Đây là khoản tiền phạt Công ty Sterling and Wilson Private Limiter - nhà thầu EPC dự án Nhà máy điện năng lượng mặt trời Sao Mai, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang do nhà thầu vi phạm các điều khoản của hợp đồng EPC theo biên bản làm việc ngày 02 tháng 10 năm 2019. Khoản tiền phạt này đã được nhà thầu EPC thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	12.208.337	8.934.163.889
Các khoản bị phạt	14.181.255.247	2.487.123.064
Các khoản khác	11.202.421.999	587.125.683
Cộng	25.395.885.583	12.008.412.636

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.537.612.638.796
Chi phí nhân công	539.036.417.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.170.815.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	344.158.590.429
Chi phí khác bằng tiền	237.514.304.154
Cộng	8.822.492.766.803

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	43.991.472.933	113.796.822.751
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	43.991.472.933	113.796.822.751

11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LOẠI

	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.400.487.945	3.861.782.021
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
- Thu nhập thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.400.487.945	3.861.782.021

12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	636.924.897.856	1.038.543.511.315
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	253.857.242	241.933.853
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.509	4.293

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

13. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	636.924.897.856	1.038.543.511.315
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	253.857.242	241.933.853
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.509	4.293

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Năm 2019	Năm 2018
15.666.268.163.421	9.231.522.360.821

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

Năm 2019	Năm 2018
12.964.881.649.235	9.040.191.592.993

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: Không có

03. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2019	Năm 2018
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.445.000.000	2.301.000.000
Tiền lương	11.230.075.096	9.926.646.796

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2019					Năm 2018				
	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.109.484.380.617	9.870.268.324.471	244.020.636.017	14.223.773.341.105	3.021.098.761.826	5.852.210.619.549	13.818.837.906	8.887.128.219.281		
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.109.484.380.617	9.870.268.324.471	244.020.636.017	14.223.773.341.105	3.021.098.761.826	5.852.210.619.549	13.818.837.906	8.887.128.219.281		
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	335.719.025.470	966.548.067.205	66.477.941.221	1.368.745.033.896	263.389.744.401	803.960.414.229	1.372.003.492	1.068.722.162.122		
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(488.777.098.660)				(386.052.098.609)		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				879.967.935.236				682.670.063.513		
Doanh thu hoạt động tài chính				201.952.760.812				369.961.118.101		
Chi phí tài chính				(275.682.838.120)				(266.797.763.176)		
Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết								65.065.547.765		
Thu nhập khác				90.897.495.085				476.643.723.765		
Chi phí khác				(25.395.885.583)				(12.008.412.636)		
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(43.991.472.933)				(113.796.822.751)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(4.400.487.945)				(3.861.782.021)		
Lợi nhuận sau thuế TNDN				823.347.506.552				1.197.875.672.560		
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(2.945.067.188.394)				(129.650.543.858)		
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				(213.115.015.078)				(36.323.955.318)		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

		31/12/2019			01/01/2019			
Chỉ tiêu	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	5.598.979.673.159	8.653.251.346.842	304.767.684.171	14.556.998.704.172	3.895.352.772.027	7.591.873.742.387	428.612.382.501	11.915.838.896.915
Tài sản không phân bổ				1.039.312.991.021				59.620.890.895
Tổng tài sản	5.598.979.673.159	8.653.251.346.842	304.767.684.171	15.596.311.695.193	3.895.352.772.027	7.591.873.742.387	428.612.382.501	11.975.459.787.810
Nợ phải trả bộ phận	4.110.977.628.658	4.317.351.097.066	686.753.260.590	9.115.081.986.314	340.462.702.951	1.458.598.864.543	312.714.943.701	2.111.776.511.195
Nợ phải trả không phân bổ				179.357.295.107				4.126.290.520.395
Tổng nợ phải trả	4.110.977.628.658	4.317.351.097.066	686.753.260.590	9.294.439.281.421	340.462.702.951	1.458.598.864.543	312.714.943.701	6.238.067.031.590

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Điện mặt trời	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại	Doanh thu khác	Tổng
Năm 2019						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	226.916.585.047	609.813.143.633	138.538.314.009	2.874.461.704.479	10.374.043.593.937	14.223.773.341.105
Tài sản bộ phận	3.241.756.299.104	1.365.875.301.754	402.158.408.741	802.186.729.304	9.784.334.956.290	15.596.311.695.193
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					(2.945.067.188.394)	
Năm 2018						
Chỉ tiêu	Điện mặt trời	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại	Doanh thu khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	372.512.248.005	80.644.044.449	1.542.162.877.812	6.891.809.049.015	8.887.128.219.281	11.017.058.712.389
Tài sản bộ phận	3.201.926.183.787	507.715.526.225	868.456.695.557	6.438.960.306.820	(129.650.543.858)	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý	
				31/12/2019	01/01/2019
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	822.987.169.585		502.270.779.111	822.987.169.585	502.270.779.111
Phải thu khách hàng	1.402.608.381.286	(67.921.874.061)	1.222.578.432.329	(56.922.290.746)	1.165.656.141.583
Trả trước cho người bán	1.221.622.128.381		1.511.965.039.516	1.221.622.128.381	1.511.965.039.516
Các khoản phải thu khác	481.755.501.606		461.214.277.418	(528.000.000)	460.686.277.418
Đầu tư tài chính ngắn hạn	657.885.346.447		963.626.736.414	657.885.346.447	963.626.736.414
Đầu tư tài chính dài hạn	1.147.515.000.000	(1.560.299.574)	1.290.488.000.000	(1.920.339.667)	1.288.567.660.333
Cộng	5.734.373.527.305	(69.482.173.635)	5.952.143.264.788	(59.370.630.413)	5.892.772.634.375
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả cho người bán	1.387.412.856.438		680.417.639.464	1.387.412.856.438	680.417.639.464
Người mua trả tiền trước	313.882.115.348		716.616.730.344	313.882.115.348	716.616.730.344
Vay và nợ	7.172.719.319.239		4.503.220.702.510	7.172.719.319.239	4.503.220.702.510
Phải trả người lao động	47.708.504.774		46.720.924.229	47.708.504.774	46.720.924.229
Trái phiếu chuyển đổi					
Các khoản phải trả khác	247.496.527.143		104.824.275.256	247.496.527.143	104.824.275.256
Cộng	9.169.219.322.942		6.051.800.271.803	9.169.219.322.942	6.051.800.271.803

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đón đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	1.387.412.856.438			1.387.412.856.438
Người mua trả tiền trước	313.882.115.348			313.882.115.348
Vay và nợ	4.446.435.062.613	2.726.284.256.626		7.172.719.319.239
Trái phiếu chuyển đổi	19.076.242.654			
Chi phí phải trả	245.276.527.143	2.220.000.000		247.496.527.143
Các khoản phải trả phải nộp khác				
Cộng	6.412.082.804.196	2.728.504.256.626		9.121.510.818.168

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chỉ tiêu	31/12/2019	01/01/2019
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.305.426	2.833.053
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	13.854.669	13.279.680
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	3.445.351	(5.090.775)
Vay và nợ thuê tài chính	(55.184.398)	(29.832.955)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(36.578.951)	(18.810.997)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	31/12/2019	01/01/2019
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(17.025.738.187)	(8.774.235.424)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	17.025.738.187	8.774.235.424

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền gửi có kỳ hạn	1.436.627.100.000	1.773.729.589.974
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	185.000.000.000	187.200.000.000
Hàng tồn kho	1.539.629.547.623	1.210.244.799.355
Tài sản cố định hữu hình	1.944.303.853.425	214.521.802.029
Quyền sử dụng đất	569.534.919.462	268.775.623.044
Cổ phiếu	288.384.503.650	
Bất động sản đầu tư	186.035.842.743	260.101.933.505

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Long Xuyên, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ TỐ NGÂN

TRƯƠNG CÔNG KHÁNH



LÊ THỊ PHỤNG